



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 48/2024
Từ 02/12 - 06/12/2024

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỐT KẾ HOẠCH SẮP XẾP, TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA CHÍNH PHỦ

Ngày 05/12/2024, Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Ban Chỉ đạo) ban hành Kế hoạch số 140/KH-BCDDTKNQ18 định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.



Hội nghị của Chính phủ quán triệt, triển khai Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.
Ảnh: Dương Giang/TTXVN

Theo Kế hoạch, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, duy trì 8 Bộ, cơ quan ngang Bộ (có sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong), cơ cấu, sắp xếp và hợp nhất 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Rà soát hoạt động các Ban Chỉ đạo

Kế hoạch đặt ra một số nhiệm vụ chung. Theo đó, các cơ quan, tổ chức kết thúc hoạt động Ban cán sự đảng, khẩn trương xây dựng phương án thành lập Đảng bộ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực thuộc Đảng bộ Chính phủ; đồng thời, xây dựng quy chế làm việc, mối quan hệ công tác của Đảng ủy bộ sau sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm theo yêu cầu định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và tổ chức bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (giảm tối thiểu 15% - 20% đầu mỗi tổ chức bên trong, trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị, không bao gồm các tổ chức thuộc diện hợp nhất, sáp nhập do trùng lặp chức năng, nhiệm vụ khi thực hiện phương án hợp nhất các Bộ), bảo đảm bám sát yêu cầu định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Ban Chỉ đạo Trung ương; đồng thời, rà soát lại tất cả các hoạt động của các Ban Chỉ đạo theo hướng kết thúc hoạt động, chỉ giữ lại những ban chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ cần thiết.

Sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với giảm biên chế cán bộ, công chức, viên chức và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy của Chính phủ để có giải pháp đề xuất xử lý trong quá trình sắp xếp; xây dựng dự thảo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Đề xuất và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Hướng dẫn xử lý tài chính, ngân sách, tài sản công và chuyển tiếp quản lý dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Kế hoạch sắp xếp tổ chức bộ máy của Chính phủ

Đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, kết thúc hoạt động của Ban cán sự đảng Chính phủ, lập Đảng bộ Chính phủ trực thuộc trung ương, gồm các tổ chức đảng trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và một số đảng bộ trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước (riêng Đảng bộ Quân đội và Đảng bộ Công an trực thuộc Trung ương giữ nguyên như hiện nay); có cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đặt tại Cơ quan Chính phủ. Đảng ủy Chính phủ, gồm: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy; Ban Thường vụ đảng ủy gồm đồng chí Thủ tướng Chính phủ làm Bí thư, các Phó Thủ tướng Chính phủ, một số thành viên Chính phủ và có thể bố trí 1 Phó Bí thư chuyên trách; Bộ Chính trị chỉ định nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đảng ủy; quy định ban thường vụ đảng ủy thực hiện chức năng, nhiệm vụ như của Ban cán sự đảng Chính phủ hiện nay.

Kết thúc hoạt động của các Ban cán sự đảng, lập Đảng bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực thuộc Đảng bộ Chính phủ gồm: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy; Ban Thường vụ đảng ủy gồm Bộ trưởng làm Bí thư, các Thứ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và 1 Phó Bí thư chuyên trách; cấp có thẩm quyền chỉ định nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy, quy định Ban Thường vụ đảng ủy thực hiện chức năng, nhiệm vụ như của ban cán sự đảng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hiện nay.

Duy trì 8 Bộ, cơ quan ngang Bộ (có sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong), gồm: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Tư pháp; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn phòng Chính phủ; Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

“Việc đề xuất duy trì các Bộ, cơ quan ngang Bộ nêu trên là cần thiết, bảo đảm tính ổn định, kế thừa và phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay”, Kế hoạch nêu rõ.

Theo Kế hoạch, cơ cấu, sắp xếp và hợp nhất 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ:

Hợp nhất Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Tên Bộ sau sắp xếp dự kiến là Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc Bộ Kinh tế phát triển (thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Hợp nhất Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng. Tên Bộ sau sắp xếp dự kiến là Bộ Hạ tầng và Đô thị (thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng).

Hợp nhất Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tên Bộ sau sắp xếp dự kiến là Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên, Môi trường (thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Hợp nhất Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ. Tên Bộ sau sắp xếp dự kiến là Bộ Chuyển đổi số và Khoa học, Công nghệ hoặc Bộ Chuyển đổi số, Khoa học, Công nghệ và Truyền thông (thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực hiện đang giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ).

Hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ và Lao động; chuyển chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp sang Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuyển chức năng quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội sang Bộ Y tế.

Bộ Y tế chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong việc tiếp nhận một số nhiệm vụ của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe Trung ương (khi kết thúc hoạt động Ban này); đồng thời, dự kiến tiếp nhận quản lý nhà nước về: bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển sang.

Bộ Ngoại giao chủ động phối hợp để tiếp nhận nhiệm vụ chính của Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban Đối ngoại Quốc hội (khi kết thúc hoạt động của Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban Đối ngoại Quốc hội).

Bộ Nội vụ chủ động xây dựng phương án sắp xếp Học viện Hành chính Quốc gia theo hướng sáp nhập vào Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; đồng thời chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng đề án hợp nhất Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Bộ Nội vụ (sau khi chuyển một số chức năng sang Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế); phối hợp với Ủy ban Dân tộc chuyển chức năng, nhiệm vụ của Ban Tôn giáo Chính phủ về Ủy ban Dân tộc.

Ủy ban Dân tộc chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng phương án tiếp nhận Ban Tôn giáo Chính phủ và phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về giảm nghèo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Cũng theo Kế hoạch trên, kết thúc hoạt động của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chuyển chức năng, nhiệm vụ về Bộ Tài chính, các Bộ chuyên ngành và các cơ quan

liên quan. Thực hiện phương án này, dự kiến chuyển chức năng, nhiệm vụ thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu đối với 19 tập đoàn, tổng công ty hiện đang giao Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý về Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc Bộ Kinh tế phát triển; các nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực liên quan đến phạm vi hoạt động của các tập đoàn, tổng công ty sẽ do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm quản lý, bảo đảm tách chức năng quản lý nhà nước với chức năng đại diện chủ sở hữu.

Đối với một số tập đoàn lớn (như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PVN, Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam...) thì nghiên cứu xác định là đầu mối tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Chính phủ.

Kết thúc hoạt động của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, chuyển nhiệm vụ về Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan. Thực hiện phương án này, dự kiến chuyển nhiệm vụ của Ủy ban về Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc Bộ Kinh tế phát triển, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Để thực hiện nhiệm vụ điều phối giám sát chung đối với thị trường tài chính (gồm: chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng), trong điều kiện các luật chuyên ngành đang giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành thực hiện chức năng giám sát chuyên ngành (Bộ Tài chính giám sát thị trường chứng khoán, bảo hiểm; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giám sát hoạt động ngân hàng), cần thành lập tổ chức phối hợp liên ngành do Lãnh đạo Chính phủ làm người đứng đầu để chỉ đạo hoạt động điều phối giám sát chung đối với thị trường tài chính.

Sắp xếp 2 Viện Hàn lâm khoa học và 2 Đại học Quốc gia, bảo đảm hiệu quả, phát huy được nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo.

Đối với 2 Viện Hàn lâm: Phương án 1: Hợp nhất Viện Hàn lâm Khoa học xã hội với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ thành Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam; Phương án 2: Duy trì 02 Viện Hàn lâm nhưng thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và biên chế, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu của Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam.

Đối với 2 Đại học Quốc gia (Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), đề xuất chuyển Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để quản lý.

Chuyển Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vào trong cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng. Theo Nghị định số 61/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đứng đầu Ban Quản lý là Tư lệnh Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo đó, việc chuyển Ban Quản lý này về Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý có yếu tố thuận lợi. Tuy nhiên, cần hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phát huy tốt giá trị của khu di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, phục vụ đón tiếp các đoàn khách quốc tế và du khách trong nước, tăng cường hợp tác quốc tế và bảo vệ, gìn giữ tốt thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cơ cấu Bảo hiểm xã hội Việt Nam vào Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc Bộ Kinh tế phát triển. Sáp nhập Bảo hiểm xã hội Việt Nam vào Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc

Bộ Kinh tế phát triển (tổ chức lại thành 1 đầu mối độc lập thuộc Bộ Tài chính và Đầu tư phát triển hoặc Bộ Kinh tế phát triển). Thực hiện phương án này, về cơ bản vẫn tạo điều kiện cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ có tính độc lập như hiện nay; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng quản lý bảo hiểm (hiện nay do Bộ trưởng Bộ Tài chính là Chủ tịch) chỉ đạo công tác quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được hiệu quả (thu gọn được 1 đầu mối cơ quan thuộc Chính phủ).

Kế hoạch sắp xếp các tổ chức bên trong Bộ, cơ quan ngang Bộ

Đối với các tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục, Ban Chỉ đạo đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại, bảo đảm tinh gọn, cơ bản không duy trì mô hình tổng cục thuộc Bộ. Trường hợp cần thiết duy trì mô hình tổng cục, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ báo cáo Ban Chỉ đạo của Chính phủ để xin ý kiến Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Đối với các vụ, cục có chức năng tham mưu tổng hợp chung, Ban Chỉ đạo đề nghị mỗi bộ chỉ duy trì 1 đầu mối tổ chức tương ứng với các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, Pháp chế, Hợp tác quốc tế, Văn phòng, Kế hoạch Tài chính, Thanh tra.

Các cục, vụ thực hiện chức năng tham mưu, tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành, Ban Chỉ đạo đề nghị rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức này theo hướng tinh gọn, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, chỉ duy trì các vụ, cục có đối tượng quản lý chuyên ngành, bảo đảm đáp ứng các tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ.

Đối với các vụ, cục có nhiệm vụ liên thông, gắn kết, đề nghị sắp xếp, kiện toàn các vụ, cục này thành 1 đầu mối.

Hạn chế tối đa chuyển các vụ thành các cục, trừ trường hợp cần đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền xử lý theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu của Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Trong đó, đơn vị sự nghiệp thuộc cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Chỉ duy trì tối đa 5 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành (gồm: Viện; tạp chí; báo; trung tâm thông tin; trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức); đồng thời sắp xếp tổ chức bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn và đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định.

Với viện, Ban Chỉ đạo đề nghị sắp xếp, tổ chức lại theo hướng thu gọn đầu mối trên cơ sở thực hiện nguyên tắc một đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW và phù hợp với quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học công nghệ công lập.

Với báo, tạp chí, Ban Chỉ đạo đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện phương án sắp xếp các đơn vị này, bảo đảm mỗi Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ có 1 cơ quan báo (gồm: báo in,

báo điện tử và Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành) và 1 tạp chí khoa học chuyên ngành (chỉ duy trì đối với các tạp chí có uy tín về khoa học trên thế giới và trong nước). Trong quá trình sắp xếp các Bộ, trường hợp có 2 báo đang tự chủ chi thường xuyên trở lên thì trước mắt duy trì và thực hiện lộ trình sắp xếp phù hợp với quy hoạch mạng lưới các cơ quan báo chí theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đơn vị sự nghiệp công lập ngoài cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Chỉ giữ lại các đơn vị thuộc Bộ, ngành phục vụ nhiệm vụ chính trị và các đơn vị đầu ngành gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện thành lập theo quy định, phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; chuyển đổi thành công ty cổ phần khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Đồng thời, rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ và yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trường cao đẳng, trường trung cấp): Thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 73/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm 4 cấp: quốc gia, vùng, ngành, tỉnh, bảo đảm đến hết năm 2025, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên.

Học viện, đại học, trường đại học: Đến năm 2025 đề nghị tự bảo đảm chi thường xuyên, đồng thời rà soát, sắp xếp theo quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo gắn với nâng cao mức độ tự chủ về tài chính phù hợp với lộ trình tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực.

Đối với bệnh viện: Chỉ giữ lại các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; một số ít bệnh viện chuyên khoa đầu ngành, bệnh viện của các trường đại học; đến hết năm 2025 các cơ sở khám chữa bệnh (trừ các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực khám chữa bệnh đặc thù) là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc văn phòng, cục thuộc Bộ, cục thuộc tổng cục thuộc Bộ: Đề nghị sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; các đơn vị sự nghiệp công lập khác phải tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại: Yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và mức độ tự chủ tài chính. Xây dựng phương án tự chủ về tài chính và chuyển đổi thành công ty cổ phần khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đối với cơ quan thuộc Chính phủ: Đề nghị thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: YÊU CẦU ĐẨY MẠNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 125/CD-TTg ngày 01/12/2024 yêu cầu các Bộ ngành, địa phương đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công điện nêu: Trong năm 2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương triển khai, thực hiện quyết liệt, hiệu quả quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã có nhiều chuyển biến và đạt được kết quả quan trọng, tích cực trên các lĩnh vực góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội, tài chính, ngân sách, huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước; nhận thức, trách nhiệm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, ngành, địa phương được nâng lên.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vẫn còn tồn tại, hạn chế: tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục triệt để; giải ngân vốn đầu tư công, tiến độ cổ phần hoá, thoái vốn và việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 còn chậm; vi phạm trong quản lý sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản, môi trường vẫn còn xảy ra; việc chấp hành pháp luật còn chưa nghiêm; trong một số trường hợp thất thoát, lãng phí là rất lớn, nghiêm trọng... Những tồn tại, hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân. Bên cạnh nguyên nhân do một số quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội thì nguyên nhân chủ yếu là việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Để tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về chống lãng phí; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị. Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 theo định hướng, chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, xóa bỏ cơ chế "xin-cho"; phân cấp, phân quyền cho cơ quan, địa phương có thẩm quyền giải quyết và chịu trách nhiệm. Tăng cường thực hiện giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong phục vụ Nhân dân.

3. Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Luật số: 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013); rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Tiếp tục thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi các luật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để bảo đảm đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả việc quản lý, sử dụng các nguồn lực Nhà nước.

4. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội; xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí, đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành tự giác, tự nguyện. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện các biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

5. Tăng cường công tác tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

a) Về quản lý ngân sách nhà nước: Tập trung triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước; triệt để cắt giảm chi thường xuyên, các nhiệm vụ chi không thực sự cấp bách để dành chi đầu tư phát triển, nhất là các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, thiết yếu. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước. Kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong việc thực hiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Khẩn trương triển khai thực hiện Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát.

Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu trong giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài để đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án hạ tầng quan trọng, trọng điểm quốc gia, không để xảy ra thất thoát, lãng phí. Thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 từ các dự án không giải ngân hoặc chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân và có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ dự án đầu tư công.

c) Về quản lý, sử dụng tài sản công:

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Trong đó, tập trung thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công, xây dựng Cơ sở dữ liệu thành phần để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát lại toàn bộ tài sản công, trụ sở làm việc không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định, không để lãng phí, thất thoát tài sản của nhà nước; tổng hợp kết quả rà soát, xử lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 08/12/2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/12/2024.

Các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm công tác Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

d) Về quản lý tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là đối với đất đai: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quản lý đất đai; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế. Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; rà soát, đánh giá đúng thực trạng các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến

độ sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc, đề xuất các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm giải phóng nguồn lực đất đai, đẩy nhanh việc thực hiện dự án, đưa đất đai vào sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai.

đ) Về quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp: (1) Hoàn thành việc sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước; (2) Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực tài chính, đổi mới quản trị, công nghệ, cơ cấu lại sản phẩm, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo quy định và kế hoạch việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp nhà nước. Bộ Tài chính phối hợp với Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp kiểm tra tình hình phê duyệt Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đề xuất giải pháp xử lý đối với các cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp nhà nước chưa phê duyệt Đề án theo Kế hoạch đề ra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3/2025.

e) Về tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động:

Khẩn trương thực hiện tổng kết 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và xây dựng phương án sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy theo hướng bộ đa ngành, đa lĩnh vực, giảm tổ chức bên trong, bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Quản lý chặt chẽ thời gian lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng, đảm bảo năng suất, hiệu quả công việc và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải cách hành chính. Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Chuyển đổi số toàn diện việc thực hiện thủ tục hành chính, nhất là hoạt động cấp phép, chuyển mạnh sang cấp phép tự động dựa trên ứng dụng công nghệ, dữ liệu số.

6. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và pháp luật chuyên ngành, trong đó tập trung lĩnh vực trọng điểm như đất đai, đầu tư công, xây dựng, tài chính công, tài nguyên, khoáng sản. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân để xảy ra lãng phí.

7. Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Luật số: 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013).

Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát lại toàn bộ tài sản công, trụ sở làm việc không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả và đề xuất phương án xử lý theo quy định, không để lãng phí, thất thoát tài sản của Nhà nước.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

8. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng phụ trách những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

9. Giao Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc trực tiếp chỉ đạo việc triển khai, đôn đốc; xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện Công điện này.

Nguồn: baohinhphu.vn

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1470/QĐ-TTg giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Cụ thể, Phó Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh thông tin dự án, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương gồm:

1. Điều chỉnh thông tin dự án của Văn phòng Chủ tịch nước.

2. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Giao kế hoạch đầu tư công theo đúng quy định, đúng mục đích, hiệu quả

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được điều chỉnh, danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao, thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch

đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, đúng mục đích, hiệu quả.

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm hoàn thành các nhiệm vụ, dự án điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm đúng thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công; không đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung thêm vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ, dự án đã điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm kiểm soát việc cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn để thu hồi vốn ứng trước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội.

Nguồn: baochinhpvu.vn

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA THÁNG 11/2024

Theo Báo cáo kết quả chuyển đổi số quốc gia, về hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, trong tháng 11/2024, đã ban hành thêm: 01 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư, cụ thể: Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025; Thông tư số 50/2024/TT-NHNN ngày 31/10/2024 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng.

Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện đạt 100%. Hiện, có 83/83 Bộ, tỉnh đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

Đến 20/11/2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của cả nước đạt 44,99%, trong đó khối bộ đạt tỷ lệ 62,48%, khối tỉnh đạt tỷ lệ 18,26%.

Hiện nay, toàn quốc có 63/63 địa phương ban hành chính sách giảm, miễn phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 15/63 tỉnh đã ban hành chính sách giảm thời gian để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Có 63/63 địa phương, 14 Bộ, ngành đã hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành đạt 60,69%, tại các địa phương đạt 66,38%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các Bộ, ngành đạt 62,19%, tại các địa phương đạt 67,69%.

Về phát triển các cơ sở dữ liệu, tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 đã ban hành danh mục 10 Cơ sở dữ liệu quốc gia, hiện tại đã có 05/10 cơ sở dữ liệu quốc gia đã được triển khai, xây dựng; 03 Cơ sở dữ liệu quốc gia đang trong giai đoạn triển khai; Còn 02 cơ sở dữ liệu quốc gia (về Hoạt động xây dựng và cơ sở dữ liệu Tổng hợp quốc gia) đang trong giai đoạn hình thành, xây dựng đề án để triển khai.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 Bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương.

Đã đồng bộ 2.402.505 (tăng 12.363 so với tháng 10/2024) dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của 36 Bộ, ngành và 63 địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), đã kết nối 103 Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP.

Trục liên thông văn bản quốc gia, trong tháng 11/2024, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là 1.216.795 văn bản (421.435 văn bản gửi và 795.360 văn bản nhận). Từ ngày 01/01/2024 đến 20/11/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên 10 triệu văn bản. Tính lũy kế đến nay đã có hơn 45,3 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

Cổng dịch vụ công quốc gia, trong tháng 11/2024 (từ 24/10 đến 22/11), Cổng dịch vụ công quốc gia đã có hơn 9,1 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 1,8 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 1,2 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với số tiền hơn 869 tỷ đồng.

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, trong tháng 11/2024, Hệ thống đã phục vụ 01 phiên họp và xử lý 68 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 18,5 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ 109 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.646 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng 912 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong tháng 11/2024, đã cập nhật file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC (SỬA ĐỔI)

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Bộ Nội vụ cho biết, Luật Cán bộ, công chức được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 13/11/2008, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010; được sửa đổi, bổ sung năm 2019 tại Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 (sau đây gọi chung là Luật Cán bộ, công chức). Sau hơn 15 năm thực hiện, Luật Cán bộ, công chức đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống cơ quan nhà nước các cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả. Việc thực hiện các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành góp phần quan trọng thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, sau 05 năm được sửa đổi, bổ sung, một số quy định của Luật Cán bộ, công chức bộc lộ hạn chế nhất định, cần tiếp tục được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, cần phải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đồng bộ với các quy định mới của Đảng:

Thứ nhất, một số chủ trương mới của Đảng về công tác cán bộ cần tiếp tục thể chế hóa, bảo đảm thực hiện bằng quy định của luật.

Thứ hai, một số quy định của Luật chưa thống nhất, đồng bộ với quy định của Đảng như: thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức; xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức; thẩm quyền quyết định biên chế công chức; đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức.

Thứ ba, một số quy định của Luật Cán bộ, công chức chưa đồng bộ, thống nhất với pháp luật chuyên ngành khác như: xác định đối tượng cán bộ, công chức và thực hiện quy định đối với công chức chuyên ngành.

Thứ tư, thực tiễn phát sinh nhiều vấn đề mới chưa được pháp luật quy định, như: Các quy định cụ thể về đạo đức công vụ; biểu hiện hành vi và chế tài xử lý đối với cán bộ, công chức vi phạm quy định về đạo đức công vụ; Việc áp dụng cơ chế quản lý thống nhất giữa cán bộ, công chức cấp huyện trở lên và cán bộ, công chức cấp xã; Quy định về việc tiếp nhận vào công chức, trong đó cần bổ sung đối tượng là sinh viên tốt nghiệp hệ cử tuyển; Chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi bị kỷ luật.

Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) nhằm đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cả hệ thống chính trị “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” theo yêu cầu Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Xây dựng nền công vụ thực tài và cơ chế quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và người

đứng đầu có đủ năng lực năng lực, phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ, công chức theo hướng thực chất, “vì việc tìm người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được”. Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ, công chức có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở quy định rõ các trường hợp cán bộ, công chức dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch.

Đẩy mạnh số hóa toàn diện, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số thông qua xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý về nền tảng số, bộ công cụ sử dụng thống nhất toàn quốc phục vụ quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về quản lý cán bộ, công chức.

Khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong cơ chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; kịp thời tháo gỡ những “điểm nghẽn” trong quản lý nguồn nhân lực khu vực công, tạo động lực phát triển;

Phạm vi điều chỉnh của Luật

Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) tiếp tục kế thừa, phát triển một số quy định đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn thi hành thời gian qua trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật Cán bộ, công chức hiện hành.

Bên cạnh đó, Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) sửa đổi, bổ sung một số quy định về: (1) Thống nhất nền công vụ thống nhất từ trung ương, đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; (2) Đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; (3) Hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức và những việc cán bộ, công chức không được làm; đạo đức, văn hóa công vụ; (4) Hoàn thiện các quy định để đổi mới phương thức quản lý cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ số, bảo đảm tăng tính hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước; (5) Hoàn thiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của Đảng và đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, tổng kết việc thi hành Luật Cán bộ, công chức, nghiên cứu kỹ lưỡng các quan điểm, đường lối của Đảng, các định hướng lớn tại dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Bộ Nội vụ đề nghị xây dựng 05 chính sách, cụ thể như sau:

Chính sách 1: Đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

Chính sách 2: Hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức và những việc cán bộ, công chức không được làm; đạo đức, văn hóa công vụ.

Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định để đổi mới phương thức quản lý cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ số, bảo đảm tăng tính hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước.

Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của Đảng và đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tiếp tục thể chế thành luật các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác cán bộ mới ban hành chưa kịp thể chế.

Chính sách 5: Thống nhất nền công vụ từ trung ương, đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ TÀI CHÍNH: ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Theo Bộ Tài chính, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Trong đó, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 về: thẩm quyền quyết định giao, mua sắm, thuê, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công; hình thức xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ; thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Vì vậy, để triển khai các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu quả, kịp thời và đồng bộ, việc sửa đổi, bổ sung các nội dung được quy định chi tiết tại các Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để phù hợp với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung là cần thiết.

Bổ sung quy định về xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi

Dự thảo sửa đổi, bổ sung quy định về khai thác, xử lý tài sản có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền (Điều 19).

Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia (sau đây gọi là Luật sửa đổi) đã bổ sung 02 hình thức xử lý tài sản công sau khi có quyết định thu hồi gồm: (i) Giao Tổ chức phát triển quỹ đất phát triển, quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về đất đai; (ii) Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương để quản lý, khai thác theo quy định của Chính phủ.

Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định hướng dẫn thực hiện đối với 02 hình thức nêu trên để làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

Sửa đổi quy định về bán, thanh lý tài sản công

Dự thảo cũng sửa đổi quy định về bán tài sản công (Điều 23, Điều 24): Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về bán tài sản công, theo đó, hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản là đất, nhà, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi quy định về bán tài sản công theo hướng bỏ các nội dung quy định về xác định giá khởi điểm, nộp tiền bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, dự thảo sửa đổi quy định về thanh lý tài sản công (Điều 29, Điều 30): Tại Luật sửa đổi đã sửa đổi quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi các quy định có liên quan để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi theo hướng dẫn chiếu thực hiện theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); theo đó: (i) Vật tư, vật liệu thu hồi được không sử dụng được thì hủy bỏ; (ii) Vật tư, vật liệu thu hồi được thì cơ quan nhà nước được giữ lại tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu, điều chuyển; bán. Đồng thời, hướng dẫn cách xác định giá trị, theo dõi trong trường hợp giữ lại, điều chuyển, bán.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI THEO NGHỀ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác tại các cơ sở y tế công lập trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế.

Theo đó, Bộ Y tế cho biết, dự thảo Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động công tác tại các cơ sở y tế công lập nhằm góp phần thu hút, duy trì đội ngũ bác sỹ, dược sỹ, điều dưỡng có trình độ đại học trở lên về công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến cơ sở và lĩnh vực y tế dự phòng của các địa phương nhằm giải quyết khó khăn về thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn tại tuyến y tế cơ sở và trong lĩnh vực y tế dự phòng. Đồng thời, tạo động lực cho viên chức y tế yên tâm công tác, gắn bó phục vụ lâu dài tại y tế cơ sở và y tế dự phòng, giảm thiểu tình trạng bỏ việc, thôi việc góp phần nâng cao chất lượng của y tế cơ sở, y tế dự phòng giúp người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế bảo đảm chất lượng.

Tại dự thảo, Bộ Y tế đề xuất quy định áp dụng với viên chức, người lao động hợp đồng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Dự thảo nêu rõ, mỗi viên chức, người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP nếu được phân công nhiều công việc có mức phụ cấp ưu đãi nghề khác nhau thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp ưu đãi theo nghề cao nhất.

Theo dự thảo, mức phụ cấp 70% áp dụng đối với các đối tượng sau:

Một là, viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm các công việc sau: Xét nghiệm, khám và điều trị, chăm sóc người mắc bệnh phong, lao, tâm thần, HIV/AIDS, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A; Giám định pháp y, pháp y tâm thần, giải phẫu bệnh lý; Người làm việc trong phòng xét nghiệm yêu cầu an toàn sinh học cấp III.

Hai là, viên chức có trình độ chuyên môn là bác sĩ thường xuyên, trực tiếp công tác tại trạm y tế các xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ba là, viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm chuyên môn y tế trong lĩnh vực y tế dự phòng.

Mức phụ cấp 60% áp dụng đối với viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm các công việc sau: Khám, điều trị, chăm sóc người mắc bệnh truyền nhiễm (không thuộc điểm 1 nêu trên); cấp cứu và vận chuyển cấp cứu 115; Xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; Kiểm dịch y tế biên giới; Xạ trị, hóa trị, sinh học phân tử, y học hạt nhân.

Cũng theo dự thảo Nghị định, Bộ Y tế đề xuất mức phụ cấp 50% áp dụng đối với viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm các công việc sau: khám, điều trị, chăm sóc, phục vụ người bệnh gây mê hồi sức, chẩn đoán hình ảnh, nhi, chống độc, bỏng, da liễu.

Mức phụ cấp 40% áp dụng đối với viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm các công việc sau: Xét nghiệm; khám bệnh; chữa bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, phục hồi chức năng; thăm dò chức năng; giám định y khoa; y dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm, dinh dưỡng, thiết bị y tế; sức khỏe sinh sản tại các cơ sở sự nghiệp y tế công lập và tại các cơ sở điều dưỡng thương binh, bệnh binh, người khuyết tật đặc biệt trừ các trường hợp hưởng mức phụ cấp 70%, 60%, 50% nêu trên; Viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; Viên chức được phân công thường xuyên, trực tiếp làm công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; Viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế tại các cơ sở, viện, bệnh viện chuyên khoa, các trung tâm: HIV/AIDS, phong, lao, tâm thần, giải phẫu bệnh lý, pháp y.

Dự thảo Nghị định cũng nêu rõ, viên chức không trực tiếp làm chuyên môn y tế tại các đơn vị sự nghiệp y tế nói chung, viên chức làm công tác chuyên môn y tế tại cơ quan, đơn vị, trường học thì thủ trưởng đơn vị căn cứ vào đặc thù công việc và nguồn thu để xem xét, quyết định nhưng không vượt quá mức 30% so với mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) của đối tượng hưởng.

Đối với người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ được phân công trực tiếp làm các công việc đã nêu trên thủ trưởng đơn vị căn cứ vào đặc thù công việc và nguồn thu sự nghiệp để xem xét, quyết định cho hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề nhưng không vượt quá mức quy định tại các mục tương ứng nêu trên.

Về thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế, Bộ Y tế đề xuất thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế như sau: Thời gian viên chức được cử đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài từ 1 tháng trở lên; thời gian đi học tập ở trong nước liên tục trên 3 tháng; thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 1 tháng trở lên.

Bên cạnh đó, thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; thời gian tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác hoặc đình chỉ làm chuyên môn y tế từ 1 tháng trở lên; thời gian được cơ quan có thẩm quyền điều động đi công tác liên tục từ 1 tháng trở lên, không làm chuyên môn theo vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cũng không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề y tế.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

ĐỀ XUẤT BÃI BỎ MỘT SỐ THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất bãi bỏ 24 Thông tư trong lĩnh vực giá do Bộ trưởng ban hành, bao gồm:

1. Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

3. Thông tư số 31/2013/TT-BTC ngày 7/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

4. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2013/TT-BTC ngày 07/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

5. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

6. Thông tư số 234/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng tàu biển, công trình biển; sản phẩm

công nghiệp lắp đặt trên tàu biển, công trình biển; đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và phê duyệt, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận lao động hàng hải.

7. Thông tư số 235/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thử nghiệm khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô con từ 07 chỗ ngồi trở xuống sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

8. Thông tư số 236/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt.

9. Thông tư số 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng phương tiện thủy nội địa.

10. Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

11. Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

12. Thông tư số 239/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ thử nghiệm, kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng, linh kiện trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

13. Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

14. Thông tư số 282/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho thực vật trong lĩnh vực bảo vệ thực vật;

15. Thông tư số 283/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

16. Thông tư số 280/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

17. Thông tư số 08/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

18. Thông tư số 09/2020/TT-BTC ngày 18/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

19. Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.

20. Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.

21. Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch.

22. Thông tư số 77/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phương pháp điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành sản xuất thóc hàng hóa các vụ sản xuất trong năm.

23. Thông tư số 86/2019/TT-BTC ngày 03/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý.

24. Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THIẾT LẬP, VẬN HÀNH HỆ THỐNG TIẾP NHẬN, TỔNG HỢP DỮ LIỆU PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về thiết lập, vận hành Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

Theo đó, dự thảo Thông tư quy định, việc thiết lập Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước bảo đảm thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông theo Điều 50 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước bảo đảm các yêu cầu sau: Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam; Kết nối, thu thập dữ liệu từ các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử, các Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo từng lĩnh vực, địa bàn; Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.

Theo dự thảo, hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước đáp ứng các yêu cầu chức năng sau: 1. Chức năng tiếp nhận dữ

liệu. 2. Chức năng tổng hợp, phân tích dữ liệu. 3. Chức năng chia sẻ dữ liệu. 4. Chức năng báo cáo, thống kê. 5. Chức năng quản trị (tài khoản, cấu hình tự động, đối soát dữ liệu, sao lưu...). 6. Chức năng đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng. 7. Chức năng dự báo và phân tích dữ liệu theo yêu cầu cụ thể của từng ngành, lĩnh vực đối với giao dịch điện tử.

Dự thảo Thông tư quy định, hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước phải được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin, ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin được phê duyệt theo hồ sơ đề xuất cấp độ trước khi được đưa vào vận hành khai thác.

Phương án bảo đảm an toàn thông tin của Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước đáp ứng tối thiểu cấp độ 3 theo quy định của pháp luật.

Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước phải được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng định kỳ, đột xuất theo quy định và trước khi được đưa vào vận hành, khai thác theo quy định tại Điều 11, 12 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn thông tin mạng, bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong hoạt động thiết kế, xây dựng, vận hành, kết nối; quản lý tài khoản và xác thực.

Theo dự thảo Thông tư, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử phải thực hiện việc kết nối và chia sẻ thông điệp dữ liệu với Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo từng lĩnh vực, địa bàn hoặc Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

Các Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử theo từng lĩnh vực, địa bàn phải thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tổng hợp với Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước duy trì đồng thời 2 phương thức tiếp nhận dữ liệu là tiếp nhận tức thời (realtime) và tiếp nhận theo từng đợt (batch).

Tùy theo điều kiện, tình hình thực tế về hiệu năng hệ thống, đường truyền, tính chất dữ liệu... để tổ chức tiếp nhận dữ liệu theo một trong hai phương thức trên.

Hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước duy trì đồng thời 2 hình thức tiếp nhận dữ liệu là tiếp nhận nguyên vẹn (raw data) và tiếp nhận dữ liệu ẩn một phần (masking data).

Tùy theo điều kiện, tình hình thực tế về tính chất dữ liệu và các yêu cầu đặc thù khác để tổ chức tiếp nhận dữ liệu theo một trong hai hình thức trên.

Nguồn: baochinhhphu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: ĐỀ XUẤT QUY CHẾ TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư ban hành Quy chế về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Theo dự thảo, việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ phải đảm bảo an ninh, an toàn, khách quan, công bằng, nghiêm túc, đúng quy định, phản ánh đúng năng lực ngoại ngữ của người học về 4 kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.

Chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị tổ chức thi cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam từ bậc 1 đến bậc 6. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định tùy theo mục đích, yêu cầu của từng công việc cụ thể.

Các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ các đơn vị phải có đủ 5 tiêu chuẩn với 18 tiêu chí. Các tiêu chuẩn và tiêu chí được chốt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo và hoàn thiện chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề năm báo cáo như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản trị: Có bộ phận chuyên trách để thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, lãnh đạo bộ phận chuyên trách phải có năng lực quản lý, có trách nhiệm, trung thực, khách quan.

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở vật chất: Có đủ phòng thi để tổ chức thi trên máy tính đồng thời cho tối thiểu 100 thí sinh. Phòng thi phải bảo đảm: có đủ ánh sáng, bàn ghế, bảng hoặc màn chiếu; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài...

Tiêu chuẩn 3: Phần mềm tổ chức thi: Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, sử dụng; có khả năng ngắt kết nối với các ứng dụng và thiết bị bên ngoài không liên quan đến nội dung thi; Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản thi cá nhân;

Tiêu chuẩn 4: Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi: Cung cấp thông tin về định dạng đề thi, đề minh họa, thông báo lịch thi, công bố danh sách thí sinh vi phạm quy chế thi và bị cấm thi; công bố quy định, quy trình tổ chức thi; Có chức năng để thí sinh đăng ký dự thi, tra cứu kết quả thi;

Tiêu chuẩn 5: Đề thi, ngân hàng câu hỏi thi: Đề thi phải bảo đảm chính xác, khoa học, chặt chẽ, rõ ràng; theo đúng cấu trúc định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ được Bộ GDĐT ban hành và được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa; trong cùng một đợt thi, mỗi thí sinh một mã đề.

Đơn vị tổ chức thi phải xây dựng quy định và quy trình tổ chức thi, công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị 30 ngày trước khi áp dụng.

Quy định và quy trình tổ chức thi của các đơn vị phải bảo đảm an ninh, an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc; phân công rõ trách nhiệm các bộ phận tham gia tổ chức thi; có biện pháp hiệu quả chống gian lận.

Các mốc thời gian trong công tác tổ chức thi như sau: Công bố danh sách thí sinh dự thi, danh sách thí sinh không đủ điều kiện dự thi chậm nhất 07 ngày trước ngày tổ chức thi; Công bố kết quả thi chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng; Công bố kết quả phúc khảo (nếu có) chậm nhất 10 ngày sau khi hết hạn đăng ký phúc khảo.

Đơn vị tổ chức thi lưu trữ vĩnh viễn danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ. Đơn vị tổ chức thi lưu trữ ít nhất 02 năm đối với bài thi, dữ liệu từ các camera giám sát phòng thi, các biên bản xử lý trong khi thi.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (Điều 3): dự thảo Nghị định đã đề xuất 02 phương án quy định đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh quy định tại điểm m Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội; đề xuất quy định việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong trường hợp đối tượng quy định tại điểm m và điểm n Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội đồng thời thuộc nhiều đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội; Quy định đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.

Cụ thể, tại dự thảo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm:

1. Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.

Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, i, k, l Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội được cử đi học, thực tập, công tác trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương ở trong nước thì thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh quy định tại điểm m Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:

Phương án 1: a) Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai; b) Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này mà có đề nghị tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Phương án 2: Chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có đề nghị tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này và điểm n Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội đồng thời thuộc nhiều đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện như sau: a) Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này đồng thời thuộc đối tượng quy định tại một trong các điểm b, c, d, đ, e, i, a, l, k, n, h và g Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội thì tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đối tượng tương ứng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, i, a, l, k hoặc n Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội theo thứ tự đến trước; b) Đối tượng quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội đồng thời thuộc đối tượng quy định tại một trong các điểm b, c, d, đ, e, i, a, l và k Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội thì tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đối tượng tương ứng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, i, a, l hoặc k Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội theo thứ tự đến trước;

4. Đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội bao gồm: a) Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; b) Người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn (Nghị định số 09/1998/NĐ-CP); c) Người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg); Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động (Quyết định số 613/QĐ-TTg); d) Người đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến

tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; đ) Người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Điều 23 của Luật Bảo hiểm xã hội.

5. Đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng thấp hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất; người lao động làm việc theo hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: ĐƠN GIẢN HÓA 32 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NỘI VỤ

Ngày 27/11/2024, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Quyết định số 6159/QĐ-UBND thông qua phương án đơn giản hóa 32 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

Cụ thể, cắt giảm thành phần hồ sơ thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính “Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo”, “Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh” (thuộc lĩnh vực Tôn giáo); thủ tục hành chính “Thủ tục cung cấp Bản sao và Bản chứng thực tài liệu lưu trữ” (lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ).

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục “Thi tuyển viên chức”, “xét tuyển viên chức” (lĩnh vực Công chức, viên chức); thủ tục hành chính “Thẩm định đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập”, “Thẩm định số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập” (lĩnh vực sự nghiệp công lập); thủ tục hành chính “Thẩm định đề án vị trí việc làm của tổ chức hành chính”, “Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm tổ chức hành chính” (lĩnh vực Tổ chức hành chính); lĩnh vực “Tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh”, Tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh”, “Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề”, “Tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho gia đình”, “Tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh cho gia đình”, “Tặng thưởng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đối ngoại” (lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng); thủ tục hành chính “Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương”, “Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức”, “Đăng ký sửa đổi Hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh”, “Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh” (lĩnh vực Tôn giáo); thủ tục hành chính “Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh)”, “Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh)”, “Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (cấp tỉnh)”, “Thủ tục hợp nhất,

sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp tỉnh)”, “Công nhận ban vận động thành lập hội cấp tỉnh” (lĩnh vực Tổ chức phi Chính phủ); và thủ tục hành chính “Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong” (lĩnh vực Tổ chức và Chính sách đối với thanh niên).

Theo đó, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính nêu trên giảm ít nhất là 1 ngày, nhiều nhất là 4 ngày làm việc so với quy định.

* Chuyển đổi số đưa chính quyền đến gần với người dân

TP. Hà Nội đang thực hiện những bước tiến mạnh mẽ trong việc chuyển đổi số, khẳng định vị thế tiên phong trong đổi mới và ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý nhà nước. Đóng góp tích cực vào sự chuyển mình của Thủ đô, chính quyền cấp cơ sở đã khai mô hình 'phường số', 'tổ dân phố chuyển đổi số'; cải thiện chỉ tiêu còn hạn chế về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính...

Chuyển đổi số từ các tổ dân phố

Thời gian qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền số đã được các cấp chính quyền Thủ đô quan tâm, chú trọng. Tại nhiều địa phương nhiều mô hình “phường số”, “tổ dân phố chuyển đổi số” đã thu hút sự tham gia hưởng ứng tích cực của người dân.

Tại phường Thổ Quan (quận Đống Đa), thực hiện chỉ đạo của quận Đống Đa, ngày 17/6/2024, phường Thổ Quan đã ban hành Đề án về xây dựng mô hình “Tổ dân phố chuyển đổi số” đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và mô hình “Điểm phát wifi miễn phí”. Thông qua 2 mô hình trên, nhằm phát huy tính hiệu quả trong việc đăng ký tài khoản công dân điện tử và đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Theo tìm hiểu mỗi điểm “Tổ dân phố chuyển đổi số” được bố trí các trang thiết bị như: Bàn, ghế, máy tính, máy in, máy scan, hệ thống camera, màn hình cỡ lớn, thiết bị họp trực tuyến... để triển khai thực hiện. “Tổ dân phố chuyển đổi số” cung cấp hình thức hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID trong công tác tố giác tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, nhận lương, chế độ, bảo hiểm xã hội qua tài khoản ngân hàng, không dùng tiền mặt.

Là một trong hai quận được TP. Hà Nội chọn triển khai mô hình chuyển đổi số điển hình, quận Long Biên đã triển khai mô hình thí điểm chuyển đổi số cấp phường trên địa bàn năm 2023 - 2024 với 11 mô hình thí điểm gồm: Hạ tầng phục vụ chuyển đổi số; cơ quan chuyển đổi số; Bộ phận Một cửa “Hiện đại - chia sẻ - hỗ trợ”; chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước; tổ dân phố chuyển đổi số; tổ công nghệ số cộng đồng; công dân số... Ngay sau khi triển khai, đã có 10/11 mô hình được 14/14 phường đăng ký triển khai và bắt đầu thực hiện.

Đáng chú ý, 5/14 phường đã đăng ký các mô hình mới gắn với thế mạnh từng phường, có thể kể đến như mô hình “Nhận diện khuôn mặt của công dân khi đến Bộ phận Một cửa” tại Giang Biên; “Tuyến phố 4.0” tại Long Biên; “Ứng dụng công nghệ thông tin quảng bá du lịch, giáo dục truyền thống địa phương” ở Việt Hưng; “Điểm truy cập wifi công cộng tại các nhà văn hóa phường” của Ngọc Lâm.

Còn tại huyện Gia Lâm, mới đây huyện thí điểm mô hình “Tổ dân phố số” ở Tổ dân phố Thành Trung, thị trấn Trâu Quỳ. Với hơn 1.300 hộ dân, Tổ dân phố này đã triển khai trang Zalo OA với sự vào cuộc mạnh mẽ của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, trong đó đặc biệt vai trò của Tổ trưởng Tổ dân phố.

Ông Đặng Xuân Lợi, Tổ trưởng tổ dân phố, quản trị viên Trang Zalo OA Tổ dân số Thành Trung cho hay, trang mới chính thức hoạt động chưa lâu, nhưng đã cho thấy hiệu quả của công nghệ thông tin trong quản lý dân cư. Hằng ngày, ông Lợi cập nhật thông tin tình hình về những vấn đề nổi bật trên địa bàn Tổ dân phố, chủ trương, việc giải quyết phản ánh của người dân về giao thông, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường... trên địa bàn.

“Với tỷ lệ hơn 82% người dân từ 15 tuổi trở lên có điện thoại thông minh, việc triển khai trang Zalo OA của tổ dân phố đã mang lại hiệu quả tuyên truyền tới mọi người dân, đồng thời, tiết kiệm thời gian, công sức cho chính bản thân tôi rất nhiều”, ông Lợi nói.

Ngoài ra, Tổ dân phố Thành Trung còn lắp đặt wifi miễn phí tại Nhà văn hóa tổ dân phố và nơi sinh hoạt cộng đồng, lắp camera an ninh tại các trục đường nên an ninh trật tự được đảm bảo.

Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính qua quy trình điện tử

Triển khai chỉ đạo của Thành phố, trong thời gian qua, các địa phương đã đẩy mạnh việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, nhiều sáng kiến được triển khai ở các quận, huyện để tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, số hóa hồ sơ, cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử; nâng cao thái độ ứng xử, đạo đức công vụ của công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa quận, phường. Đề cao tính chuyên nghiệp, sự phục vụ của công chức đối với người dân, tổ chức, trên cơ sở lấy sự hài lòng của người dân làm một trong những cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức.

Đối với quận Tây Hồ, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực, rút ngắn thời gian, tạo thuận lợi cho người dân khi tới làm việc. Thủ tục hành chính được giải quyết bằng quy trình điện tử, hồ sơ điện tử, dịch vụ công trực tuyến tạo sự công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, đến nay 100% văn bản đi, văn bản đến tại quận (trừ văn bản mật) đều được số hóa; cấp chứng thư số và chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho 55 tổ chức và 858 cá nhân, 893 tài khoản sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành của Thành phố tới cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Sau 9 tháng triển khai Bộ Chỉ số chuyển đổi số quận Tây Hồ đã thực hiện 86/90 nhiệm vụ, đạt 95%. Ủy ban nhân dân quận tiếp tục chỉ đạo thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng lộ trình Đề án chuyển đổi số và xây dựng quận Tây Hồ thông minh đến giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Dự án “Số hóa kết quả thủ tục hành chính quận Tây Hồ” đã được đẩy mạnh triển khai thực hiện tại Bộ phận Một cửa quận và phường.

Còn đối với Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm, 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc công khai bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp mình theo quy định

của Thành phố; công khai quy trình, thành phần hồ sơ, thời gian trả, phí và lệ phí (nếu có), tên của công chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, số điện thoại đường dây nóng, hòm thư góp ý...

Đến nay, tổng số hồ sơ phải giải quyết trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm là 93.804 hồ sơ, giải quyết được 92.526 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98.63%; hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn: 92.526 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; số hồ sơ đang giải quyết là 1.278 hồ sơ. Trong 9 tháng năm 2024, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên địa bàn quận luôn đạt 100%.

Về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tổng hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả của quận và phường là 1.145 hồ sơ. 18 hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn quận tiếp tục tiến hành lấy phiếu khảo sát ý kiến người dân, tổ chức đến giao dịch hành chính, kết quả: 4.008/4.008 phiếu đánh giá hài lòng. Những con số trên là minh chứng cho thấy công tác cải cách hành chính tại quận Bắc Từ Liêm đang ngày càng được nâng lên và có sự chuyển biến rõ rệt.

Nguồn: hanoimoi.vn/laodongthudo.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: BÀN CHUYỆN SẮP XẾP, TÍNH GỌN BỘ MÁY

Ngày 04/12/2024, Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tổ chức Hội nghị lần thứ 34 (mở rộng). Bên cạnh nội dung về kinh tế - xã hội, vấn đề tinh gọn bộ máy được nhiều đại biểu bàn luận.

Loại bỏ sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ

Giám đốc Trung tâm chuyển đổi số TP. Hồ Chí Minh Võ Thị Trung Trinh cho rằng thành phố cần chủ động chuẩn bị để không bị gián đoạn việc cung cấp thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

Theo bà Trinh, Trung tâm chuyển đổi số đang tái cấu trúc hệ thống thông tin, giải quyết thủ tục hành chính theo hướng phi địa giới hành chính. Tuy nhiên, bà Trinh cho rằng gốc vấn đề là tái cấu trúc quy trình thủ tục để cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ cho người dân tốt hơn sau khi sắp xếp.

Về các giải pháp tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị, Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Hoàng Tuấn nói việc sắp xếp tinh gọn bộ máy theo tinh thần Tổng Bí thư Tô Lâm nêu nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm nguồn lực, đảm bảo tính minh bạch, liêm chính, đáp ứng kỳ vọng nhu cầu phát triển cũng như cuộc cách mạng để định hướng đưa phục vụ lợi ích của Nhân dân.

Để nâng cao công tác xây dựng và tinh gọn bộ máy, Cục trưởng Nguyễn Hoàng Tuấn cho rằng trước hết cần rà soát, đánh giá toàn diện hệ thống, làm rõ về chức năng, nhiệm vụ, loại

bỏ sự chồng chéo; xác định cụ thể các cơ quan, đầu mối tinh gọn hoặc tái cơ cấu phù hợp để phát triển.

Song song đó, cần đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền theo nguyên tắc là địa phương, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm. Đồng thời, cần nâng cao hiệu quả sử dụng các công cụ giám sát hiện đại như các cơ sở dữ liệu Big data, trí tuệ nhân tạo về hệ thống quản lý, theo dõi, đánh giá và có các cơ chế giám sát.

Cần sớm có chủ trương cho địa phương về tinh gọn bộ máy

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ Nguyễn Văn Hồng cho rằng, quan trọng nhất trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy là phải làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ. Thời điểm này, các cấp cũng chuẩn bị cho công tác nhân sự chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp vào năm sau. Vì vậy, làm tốt khâu này cũng sẽ giúp ổn định tâm tư, tình cảm cán bộ.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp Nguyễn Trí Dũng, TP. Hồ Chí Minh thực hiện theo chủ trương của Trung ương về sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã thì nên có những ứng dụng để hỗ trợ cho công tác của các khu phố, ấp hiện nay.

“Mô hình khu phố hiện nay quản lý ít nhất 500 hộ dân. Việc ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ cho công tác khu phố, cho việc kết nối các khu phố với nhân dân và các tổ chức chính trị ở khu phố, các phường cũng như ở các địa phương tại TP. Hồ Chí Minh là rất cần để chúng ta nghiên cứu, phát triển. Điều này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thành phố cũng như xu thế phát triển công nghệ số mà TP. Hồ Chí Minh đang đi đầu”, ông Dũng nêu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp nhấn mạnh, công nghệ số là một trong những lĩnh vực rất cần thiết đối với người dân, doanh nghiệp, xã hội. Đây là công cụ, phương tiện để phục vụ nhân dân, kết nối nhân dân, ghi nhận những nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị chính đáng, có giá trị của người dân, doanh nghiệp, thể hiện sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Cùng mối quan tâm về câu chuyện tinh gọn bộ máy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận Nguyễn Đông Tùng cho rằng cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và phải gắn với việc thay đổi phương thức lãnh đạo của Đảng cũng rất quan trọng, để từ đó cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết, nhất là cấp cơ sở.

“Chẳng hạn như Đảng ủy phường ra nghị quyết rồi tổ chức thực hiện dưới dưới cơ sở phải hết sức cụ thể chứ không chỉ là ban hành nghị quyết không. Trên cơ sở tiếp thu nghị quyết của Trung ương, TP. Hồ Chí Minh thì dưới cơ sở phải cụ thể hóa ra cho hiệu quả. Điều này cần sự đổi mới trong phương thức thực hiện”, ông Tùng nói.

Cũng theo ông, ngoài các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội cũng mong muốn có chi hội ở khu phố nhưng thực ra không thể tập hợp được.

Các tổ chức đoàn thể dưới phường như mặt trận, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh thì mỗi phường cũng chỉ có hai người hưởng chế độ. Vì vậy, khả năng tập hợp đoàn viên, hội viên phụ thuộc vào khả năng của thường trực hội, đoàn.

“Cần nhìn nhận thẳng thắn một số hoạt động của tổ chức hội thì cần đánh giá xác đáng hơn để tính toán phương án”, ông Tùng nêu và cho rằng nếu sắp xếp, tinh gọn bộ máy thì

khối lượng công việc sẽ tăng lên nhưng người ít đi, buộc phải cải cách hành chính, chuyển đổi số mạnh.

“Thủ tục hành chính không gọn lại thì không có bộ máy nào làm việc hiệu quả được. Tinh gọn, sắp xếp phải đi đôi với hiệu quả. Trong đó, phải ứng dụng công nghệ thông tin nhưng quan trọng là phải có nguồn lực”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận nêu ý kiến ở góc độ địa phương.

Theo ông, việc đầu tư công nghệ thông tin hiện cũng chưa tương xứng, chưa có sự đồng bộ giữa sở, ngành, quận, huyện với TP. Hồ Chí Minh sẽ không hiệu quả và dần tạo ra sự lãng phí.

Ông Nguyễn Đông Tùng cũng nêu, với các quận phải sắp xếp đơn vị hành chính cấp phường. "Theo yêu cầu thì trước tháng 01/2025 phải công bố phương án. Phía quận mong muốn sớm có phương án hướng dẫn cụ thể, cần có chỉ đạo sớm để tính toán nguồn cán bộ, làm công tác tư tưởng cho anh em", Chủ tịch quận Phú Nhuận nêu.

Nguồn: plo.vn

HÀ NAM: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Tỉnh Hà Nam xác định, cải cách hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị. Cải cách hành chính lấy người dân làm trung tâm, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Từ năm 2021 đến hết tháng 8/2024, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã tiếp nhận và giải quyết 159.527 hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức (trong đó, giải quyết xong trước thời hạn là 149.987 hồ sơ; giải quyết xong đúng thời hạn là 9.315 hồ sơ; giải quyết không đúng thời hạn là 225 hồ sơ).

Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận và giải quyết 1.234.734 hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức (trong đó, giải quyết xong trước thời hạn là 1.129.480 hồ sơ; giải quyết xong đúng thời hạn là 104.350 hồ sơ; giải quyết không đúng thời hạn là 904 hồ sơ).

Cùng với đó, Ủy ban nhân dân cấp xã đã hỗ trợ giải quyết được 6.359 hồ sơ thủ tục hành chính (chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực: tư pháp, địa chính - xây dựng, quản lý hành chính của công an) ngay tại nhà cho các đối tượng người già yếu, neo đơn, người khuyết tật khó khăn trong việc đi lại,...

Theo Giám đốc Sở Nội vụ Lê Xuân Huy, thực hiện các quy định của tỉnh Hà Nam về cải cách hành chính và văn hóa công sở, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đến nay, nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã trong giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc cho người dân, tổ chức đã có thái độ tôn trọng, lịch sự, gần gũi, thân thiện, cởi mở; quan tâm lắng nghe, giải thích những vấn đề người dân, tổ chức chưa hiểu, chưa rõ về các thủ tục hành chính theo quy định của Nhà nước; hướng dẫn, giúp đỡ người dân, tổ

chức thực hiện kê khai theo các biểu mẫu để hoàn thiện hồ sơ thủ tục nhanh chóng, không mất nhiều thời gian đi lại, không gây bức xúc cho người dân.

Đạt được những kết quả đó, thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính, trong đó xác định đầy đủ, cụ thể 6 nội dung công tác cải cách hành chính: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong cải cách thủ tục hành chính.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, đề xuất với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp; đề nghị phân cấp giải quyết nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cho người dân, doanh nghiệp.

Các thủ tục hành chính sau khi công bố đã kịp thời cập nhật đầy đủ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đến nay, tỉnh Hà Nam đã cập nhật công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và liên kết trang thông tin điện tử các cơ quan, địa phương với 1.795 thủ tục hành chính, trong đó tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện là 222 thủ tục hành chính, cấp xã 121 thủ tục hành chính.

6/6 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện công khai niêm yết thủ tục hành chính (bao gồm: công khai danh mục thủ tục hành chính, quy trình, biểu mẫu; danh mục dịch vụ công trực tuyến và thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính) để tổ chức, cá nhân tra cứu, thực hiện; công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam.

Cùng với việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” tiếp tục duy trì thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Trên địa bàn toàn tỉnh Hà Nam hiện có 133 cơ quan, đơn vị, địa phương (xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã, thành phố và các sở, ban, ngành) thực hiện theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”.

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức sau khi thực hiện hoàn thành giải quyết thủ tục hành chính đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã, số phiếu đánh giá rất hài lòng chiếm hơn 80%.

Những kết quả đạt được trong thực hiện cải cách hành chính đã góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

Nguồn: nhandan.vn

KHÁNH HÒA: ĐỔI MỚI TRONG KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ký Quyết định số 2782/QĐ-UBND ban hành Quy chế khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (Quy chế), thay thế quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 12/8/2014. Về vấn đề này, Giám đốc Sở Nội vụ Võ Chí Vương cho biết:

Quy chế được Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành trên cơ sở nghiên cứu nội dung quyết định của các bộ: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế về xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính và dịch vụ sự nghiệp công và nghiên cứu, rút kinh nghiệm qua 10 năm (2013 - 2023) tham mưu, chủ trì khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng.

Việc ban hành Quy chế nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Các ý kiến được khảo sát của tổ chức, cá nhân về dịch vụ công là cơ sở để định hướng các giải pháp hoàn thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công; nâng cao nhận thức lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tiếp tục cải thiện, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; hoàn thành mục tiêu chương trình, kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa đề ra. Thông qua đó, người dân, tổ chức, doanh nghiệp cũng phát huy vai trò giám sát, đánh giá, góp ý cho công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền các cấp nhằm phục vụ người dân ngày càng tốt hơn. Quy chế có hiệu lực từ ngày 25/10/2024; chưa áp dụng với Ủy ban nhân dân huyện Trường Sa và các xã, thị trấn trực thuộc.

Phóng viên: Thưa ông, Quy chế này có gì mới so với quy chế được ban hành năm 2014?

Giám đốc Sở Nội vụ Võ Chí Vương: Quy chế này bám sát mục tiêu, quan điểm, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030; bổ sung, hoàn thiện về phạm vi áp dụng, hình thức khảo sát, phương pháp đánh giá, lộ trình triển khai. Cụ thể, về phạm vi, Quy chế này bổ sung các đơn vị sự nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ hành chính công (Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các Chi nhánh), nội dung khảo sát chuyên đề phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (khảo sát sự hài lòng đối với các dịch vụ công thiết yếu...). Quy chế này cũng bổ sung các hình thức khảo sát mới, hiện đại hơn (khảo sát trực tuyến trên trang thông tin điện tử, ứng dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng khảo sát, mạng xã hội...). Trình tự thực hiện cũng được bổ sung, làm rõ các bước để các đơn vị triển khai thuận tiện. Quy chế còn bổ sung cách xác định chỉ số nhận định, đánh giá, nhu cầu, mong đợi.

Về lộ trình triển khai, từ năm 2025, Sở Y tế sẽ tổ chức khảo sát mức độ hài lòng đối với các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trực thuộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục khảo sát trạm y tế, đồng thời triển khai khảo sát trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố, phòng khám

đa khoa khu vực theo địa bàn quản lý. Quy mô khảo sát được mở rộng với các trường công lập. Từ năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức khảo sát toàn bộ các trường học do sở quản lý. Từ năm 2026, Ủy ban nhân dân cấp huyện khảo sát 50% số trường học của mỗi cấp học thuộc địa bàn quản lý.

Các nội dung nêu trên nhằm giúp việc tổ chức khảo sát mức độ hài lòng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ngày càng đi vào chiều sâu. Từ kết quả khảo sát, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ xây dựng chương trình, kế hoạch khắc phục tồn tại; nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong giai đoạn mới.

Phóng viên: Xin ông cho biết trách nhiệm của Sở Nội vụ trong tham mưu tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng theo Quy chế?

Giám đốc Sở Nội vụ Võ Chí Vương: Sở Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng hằng năm chậm nhất vào tháng 5. Từ đó, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai theo quy chế. Sở cũng chủ trì nghiên cứu, hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát cho từng nhóm đối tượng; tập huấn, hướng dẫn sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện về phương pháp tổng hợp, phân tích số liệu, phương án khảo sát và công bố kết quả theo phân công; kịp thời tiếp nhận thông tin đường dây nóng và phối hợp xử lý ngay vướng mắc phát sinh trong quá trình khảo sát.

Sở Nội vụ cũng chủ trì lọc, chuẩn hóa, phân tích dữ liệu, xuất kết quả, kiểm định thống kê; gửi kết quả cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện để viết báo cáo tổng hợp và phê duyệt, công bố kết quả theo thẩm quyền. Sở sẽ tổng hợp kết quả toàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng hằng năm.

Kết quả này là cơ sở đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; được dùng đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hằng năm; là căn cứ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bình xét thi đua, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng giải pháp khắc phục tồn tại, nâng cao chất lượng phục vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: baokhanhhoa.vn

PHÚ YÊN: PHỔ BIẾN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẾN NGƯỜI DÂN

Trong thời đại chuyển đổi số, triển khai dịch vụ công trực tuyến được xem là một trong những giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính. Để phổ biến rộng rãi dịch vụ công trực tuyến đến

mọi người dân, công tác tuyên truyền, hướng dẫn được xem là mấu chốt và đang được tỉnh đặc biệt quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức, góp phần xây dựng chính quyền điện tử.

Xu hướng tất yếu

Trong xu thế chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, việc đẩy mạnh hoạt động dịch vụ công trực tuyến càng trở nên tất yếu, giúp tăng hiệu quả quản lý nhà nước, mang lại tiện ích cho người dân và doanh nghiệp. Thời gian qua, các địa phương, đơn vị đã có nhiều nỗ lực trong triển khai các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Đến nay, nhiều thủ tục hành chính đã được cung cấp trên môi trường trực tuyến ở mức độ toàn trình và một phần.

Theo Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông) Lương Công Đức, dịch vụ công trực tuyến là hình thức cung cấp các thủ tục hành chính qua môi trường mạng, cho phép người dân và doanh nghiệp thực hiện hầu hết thủ tục hành chính mà không cần trực tiếp đến cơ quan hành chính. Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn giúp quy trình thủ tục hành chính được công khai, hạn chế tình trạng nhũng nhiễu tiêu cực; cơ quan hành chính quản lý hồ sơ, dữ liệu hiệu quả hơn giúp nâng cao năng suất làm việc, góp phần xây dựng chính quyền điện tử.

Bà Lê Thị Hải Hòa ở phường Hòa Vinh (TX. Đông Hòa) cho biết: Được sự hỗ trợ tận tình của các đoàn viên, thanh niên địa phương, tôi và các con đều đã đăng ký thành công tài khoản dịch vụ công cá nhân. Các bạn đoàn viên còn nhiệt tình hướng dẫn các bước thao tác trên điện thoại, cách đăng nhập và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Nhờ được hướng dẫn theo cách cầm tay chỉ việc nên tôi đã thành thạo các thao tác trên cổng dịch vụ công của Tổng cục Thuế khi nộp thuế phục vụ công việc kinh doanh của gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay việc triển khai dịch vụ công trực tuyến vẫn còn khó khăn vì nhiều người dân vẫn chưa có tài khoản dịch vụ công, chưa có chữ ký số, thiếu hạ tầng công nghệ, thiết bị phù hợp... Việc thanh toán trực tuyến trong dân cũng chưa được thực hiện rộng rãi, chỉ mới tập trung ở các khu vực đô thị, các vùng sâu, vùng xa vẫn còn rất ít. Đồng thời, kỹ năng thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trên điện thoại thông minh của người dân còn nhiều hạn chế.

Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, công chức xã An Ninh Tây (huyện Tuy An) cho biết: Người dân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã đa số là người lớn tuổi nên không sử dụng được điện thoại để thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, chưa có tài khoản ngân hàng, một số người vẫn còn thuê bao không chính chủ...

Đây là những nguyên nhân chính khiến cho tốc độ phát triển dịch vụ công trực tuyến chưa đạt được kết quả mong muốn. Thời gian tới, tôi rất mong các ngành chức năng quan tâm tổ chức nhiều đợt tập huấn, phổ cập về sử dụng dịch vụ công trực tuyến để người dân hiểu rõ lợi ích và cách thức sử dụng dịch vụ; đồng thời xây dựng hệ thống bảo mật chặt chẽ để bảo vệ thông tin, giúp người dân an tâm khi hoạt động trên môi trường số.

Phổ biến đến người dân

Dịch vụ công trực tuyến là một trong những giải pháp quan trọng nhằm cải thiện chất lượng quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Để thúc đẩy mạnh mẽ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, công tác tuyên truyền, nâng cao hiểu biết, nhận thức, kỹ năng cho người dân được tỉnh đặc biệt quan tâm.

Thời gian qua, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đã tập trung tuyên truyền về các quy trình, ưu điểm khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; giới thiệu, vận động người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; xây dựng tài liệu, hình ảnh, clip ngắn hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến phát tại các huyện, thị xã, thành phố, các cổng thông tin, trang mạng xã hội.

Trung tâm còn tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và các xã. Công tác tuyên truyền cũng được thực hiện bằng nhiều hình thức qua hệ thống phát thanh các địa phương, truyền thông bằng xe lưu động, truyền thông trực tiếp tại bộ phận một cửa các huyện, xã, phường, thị trấn.

Mới đây, từ tháng 9 - 11/2024, Trung tâm đã tổ chức các đợt truyền thông về dịch vụ công tại các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa, Phú Hòa và TX. Sông Cầu. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Lương Công Đức cho biết: Tại các địa phương, chúng tôi tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu (gồm 25 dịch vụ công Đề án 06/CP, 28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg) và các dịch vụ công khác; xây dựng tài liệu, poster, infographic phục vụ tuyên truyền tại Bộ phận Một cửa và một số địa điểm công cộng như nhà văn hóa thôn, buôn, khu phố. Đồng thời, trung tâm còn phối hợp với các địa phương phổ cập kỹ năng số cộng đồng cho các tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền các mô hình hay, cách làm tốt, hiệu quả trong triển khai Đề án 06 để các nơi tham khảo, học tập, nhân rộng...

Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Sông Hinh Nguyễn Như Đông cho biết: Mới đây, tại buôn Lê Diêm, thị trấn Hai Riêng, địa phương đã phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tổ chức truyền thông về dịch vụ công trực tuyến, giúp người dân địa phương hiểu biết rõ hơn về tầm quan trọng, ý nghĩa và những tiện ích của dịch vụ công trực tuyến. Thành viên các tổ công nghệ số cộng đồng thị trấn Hai Riêng còn được phổ cập các kỹ năng số cộng đồng, từ đó sẽ chỉ dẫn lại cho mọi người, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ công trực tuyến.

Nguồn: baophuyen.vn

BÌNH DƯƠNG: THÊM GIẢI PHÁP XÓA NỖ LO THỦ TỤC RỪM RÀ

Sáng ngày 02/12/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chính thức đưa vào vận hành Giai đoạn 1 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, đặt tại tầng 1, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bình Dương được bố trí tối thiểu 28 biên chế công chức, viên chức, với 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

Trung tâm sẽ là đầu mối duy nhất để tiếp nhận và xử lý tất cả các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tạo thuận lợi tối đa cho mọi tổ chức, cá nhân khi thực hiện các giao dịch hành chính với cơ quan nhà nước.

Việc đưa Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bình Dương đi vào hoạt động đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Mô hình này không chỉ là một trong những mô hình mẫu để tỉnh Bình Dương thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính toàn diện mà còn thể hiện quyết tâm của tỉnh trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ công, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và xây dựng một nền hành chính phục vụ nhân dân hiệu quả.

Trung tâm lấy sự hài lòng của tổ chức và cá nhân khi sử dụng dịch vụ làm thước đo cho chất lượng và hiệu quả công việc; phát huy tinh thần phục vụ Nhân dân, giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, hiệu quả, hạn chế tối đa việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần.

Đồng thời, từng cán bộ phải chuẩn hóa thủ tục hành chính, thống nhất thành phần hồ sơ và quy trình giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Việc này nhằm tránh tình trạng mỗi địa phương có một quy trình khác nhau, gây khó khăn cho người dân.

Được biết, sau khi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh đi vào hoạt động thì đến ngày 01/01/2025, Chi nhánh Trung tâm Phục vụ Hành chính công tại các huyện, thị, thành phố của Bình Dương cũng sẽ chính thức đi vào hoạt động. Mỗi chi nhánh sẽ được bố trí từ 12 đến 15 biên chế công chức, viên chức.

Đến cuối năm 2025, tỉnh Bình Dương sẽ tiếp tục đánh giá, điều chỉnh và mở rộng mạng lưới Chi nhánh Trung tâm Phục vụ Hành chính công, nhằm mục tiêu đưa dịch vụ công đến gần hơn với người dân, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Cụ thể, các chi nhánh mới sẽ đảm bảo rằng người dân và doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ công trong bán kính không quá 30 phút di chuyển hoặc 5km.

Nguồn: vov.vn

TIỀN GIANG: ĐẨY MẠNH CHÍNH QUYỀN SỐ, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

Chuyển đổi số đang trở thành yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chính quyền số đóng vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính, đồng thời tạo động lực mạnh mẽ cho nền kinh tế số và xã hội số.

Tỉnh Tiền Giang đã có những bước tiến vững chắc, từ triển khai dịch vụ công trực tuyến đến phát triển nền tảng công dân số, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Hiệu quả từ kinh tế số, xã hội số

Tỉnh Tiền Giang đang triển khai nhiều giải pháp trọng tâm để phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, hoạt động thương mại điện tử và thanh toán online đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số trong giai đoạn tới.

Toàn tỉnh Tiền Giang hiện có hơn 200 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, sản xuất thiết bị và linh kiện điện tử như phần cứng, phần mềm. Cụ thể, có 10 doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ phần cứng, điện tử; 160 doanh nghiệp phân phối, buôn bán sản phẩm công nghệ thông tin; 12 doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, nội dung số và 25 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác.

Tỉnh Tiền Giang tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm nông sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch điện tử của tỉnh (<http://sangiaodich.tiengiang.gov.vn>), với 95 sản phẩm được giới thiệu.

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đã tổ chức hội nghị về chuyển đổi số ngành, thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm của ngành Ngân hàng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số, góp phần hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch chuyển đổi số của ngành và của tỉnh, từ đó hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Bên cạnh đó, 100% cơ sở giáo dục công lập trong tỉnh Tiền Giang thực hiện thu học phí và thanh toán không dùng tiền mặt, 100% cơ sở y tế và cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội. Tất cả các sở, ban, ngành và địa phương đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt khi cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Với mục tiêu lấy người dân làm trung tâm và động lực trong chuyển đổi số, tỉnh Tiền Giang đã có những bước tiến vững chắc trên con đường phát triển xã hội số, không chỉ đưa công nghệ số vào cuộc sống, mà còn giúp người dân tiếp cận công nghệ một cách đơn giản, từ đó tạo ra giá trị thiết thực và góp phần xây dựng một xã hội văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Theo đó, hạ tầng viễn thông phục vụ xã hội số tiếp tục được nâng cao về chất lượng dịch vụ. Mạng di động 4G đã phủ sóng toàn bộ tỉnh. Tỷ lệ xã có hạ tầng băng rộng cáp quang đạt 100%, Internet cáp quang tốc độ cao đã có mặt tại 100% xã, phường, thị trấn và Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khu vực, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và doanh nghiệp; đồng thời, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của chính quyền.

Các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được tuyên truyền tại các huyện, thị xã và thành phố để phát triển các chợ, điểm bán hàng dân sinh không dùng tiền mặt. Đồng thời, qua quá trình triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục, có 469/509 đơn vị áp dụng, với số lượng giao dịch phát sinh trong thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức không dùng tiền mặt gần 107.000 giao dịch (lũy kế tính đến ngày 07/11/2024). Cùng với đó, 19 cơ sở khám, chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, kết quả trong tháng 11/2024 có 2.081 hóa đơn được thanh toán bằng hình thức quét Qrcode hoặc dùng máy POS.

Tính đến ngày 11/11/2024, toàn tỉnh có 1.805.424 công dân sở hữu thẻ Căn cước công dân và thẻ Căn cước, với 1.353.676 tài khoản định danh điện tử đã được thu nhận và 1.244.041 tài khoản đã được kích hoạt.

Tiếp tục nâng cao chính quyền số

Chính quyền số là 1 trong 3 trụ cột quan trọng, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Việc xây dựng chính quyền số thành công sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các cơ quan quản lý, người dân và toàn xã hội. Hiện nay, các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã đang triển khai nhiều giải pháp để phát triển chính quyền số.

Tính đến nay, tỉnh Tiền Giang đã kết nối 13/17 hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống của Bộ, ngành và Trung ương thông qua trục NGSP. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/8/2024, tỉnh Tiền Giang có gần 1,8 triệu văn bản điện tử được gửi, nhận trên hệ thống, trong đó có trên 1.326.000 văn bản đến và 369.680 văn bản đi; tỷ lệ ký số trên phần mềm của tỉnh đạt hơn 97%.

Hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh tiếp tục kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhằm hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính một cách thuận lợi và minh bạch. Cổng cũng đã hoàn thiện chức năng số hóa hồ sơ và kết nối với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; đồng thời, chuyển đổi và làm sạch tài khoản công dân sang VNeID.

Thử nghiệm Hệ thống trợ lý ảo (AI) hỗ trợ người dùng trong việc giải quyết thủ tục hành chính cũng đang được triển khai. Các giải pháp kỹ thuật cũng đang được thực hiện để đồng bộ hóa dữ liệu từ Cổng dịch vụ công của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia, phục vụ công tác theo dõi, giám sát và đánh giá theo yêu cầu của Chính phủ.

Tính đến nay, tỉnh Tiền Giang có tổng cộng 1.809 thủ tục hành chính; trong đó, cấp tỉnh có 1.484 thủ tục, cấp huyện có 233 thủ tục và cấp xã có 92 thủ tục. Trong đó, có 1.249 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bao gồm 629 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và 620 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đồng thời, tính đến ngày 14/11/2024, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã cung cấp 1.200 thủ tục trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Ngoài ra, Cổng thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang và các trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương tiếp tục được vận hành và cập nhật dữ liệu, giúp tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp cận thông tin từ các cơ quan nhà nước. Từ tháng 01/2024 đến tháng 10/2024, đã có 42,39% hồ sơ (231.119/545.270) được nộp trực tuyến (bao gồm dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình) trên tổng số hồ sơ nộp trực tuyến và trực tiếp.

Hệ thống Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị 1022 tỉnh Tiền Giang hoạt động hiệu quả, là kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền tỉnh. Đến nay, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý hơn 3.000 phản ánh, kiến nghị từ tổ chức và cá nhân.

Các sở, ban, ngành tiếp tục khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ công tác quản lý nhà nước và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành Trung ương và tỉnh. Đồng thời, các hệ thống thông tin cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Tiền Giang được duy trì, vận hành ổn định, đảm bảo hoạt động 24/7.

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Tiền Giang (LGSP), kết nối và tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh để chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu số và dữ liệu mở của tỉnh Tiền Giang; xây dựng, vận hành Cổng dữ liệu mở dùng chung của tỉnh; phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung.

Đồng thời, thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc chuyển đổi số, với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình, cập nhật, gỡ bỏ các thủ tục hành chính không còn hiệu lực trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tăng cường chất lượng dịch vụ công trực tuyến, nâng cao tỷ lệ giải quyết dịch vụ công trực tuyến và đơn giản hóa các quy trình thủ tục hành chính.

Cùng với đó là đẩy mạnh công tác số hóa, tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để rút ngắn thời gian, giảm chi phí và nâng cao chất lượng phục vụ người dân trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

Nguồn: baoapbac.vn

ĐỒNG THÁP: CÔNG AN HUYỆN TAM NÔNG ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, VÌ NHÂN DÂN PHỤC VỤ

Với phương châm “Lấy người dân làm trung tâm”, Công an huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai nhiều giải pháp trong thực hiện cải cách hành chính với việc đơn giản hóa

thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết, áp dụng nhiều mô hình hay, cách làm mới nhằm góp phần tạo sự thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính. Với những nỗ lực không ngừng, Công an huyện Tam Nông đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng hình ảnh lực lượng Công an nhân dân thân thiện, gần gũi, phục vụ Nhân dân.

Nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ và giảm thiểu tai nạn giao thông, từ ngày 01/8/2024, Công an huyện Tam Nông đã chính thức đưa vào vận hành hệ thống camera ghi nhận hình ảnh để “phạt nguội” tại nút giao Trần Hưng Đạo - Võ Văn Kiệt, thị trấn Tràm Chim. Hệ thống này ghi nhận, xử lý các hành vi vi phạm luật giao thông, góp phần xây dựng văn hóa giao thông tại địa phương.

Sau gần 4 tháng triển khai mô hình phạt nguội, Công an huyện Tam Nông ghi nhận tổng cộng 1.102 trường hợp vi phạm, trong đó phần lớn là các lỗi vi phạm liên quan đến xe mô tô. Đáng chú ý, đã có 148 trường hợp đến chấp hành việc xử phạt, với tổng số tiền 173,3 triệu đồng. Các lỗi vi phạm chủ yếu tập trung vào những hành vi tiềm ẩn nguy cơ cao gây tai nạn giao thông như: vượt đèn đỏ, vượt tốc độ, chở quá số người quy định, đi sai làn đường, dừng đỗ sai quy định...

Trung tá Đặng Thế Vinh, Phó Trưởng Công an huyện Tam Nông cho biết, việc xử phạt nguội đối với các hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ có hiệu quả rất tích cực, tạo hiệu ứng rất tốt trong Nhân dân, nhất là những người tham gia giao thông. Việc kết hợp hệ thống camera giám sát để xử lý vi phạm hành chính với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe trên môi trường điện tử đã mang lại nhiều thuận lợi, đặc biệt đối với những người vi phạm giao thông từ nơi khác đến địa phương. Trước đây, đối với các trường hợp vi phạm phải tước giấy phép lái xe, người vi phạm phải trực tiếp đến cơ quan Công an để nộp lại giấy phép lái xe vật lý và nhận lại sau khi hết thời hạn tước. Nhưng với mô hình mới, thủ tục này đã được đơn giản hóa đáng kể. Cụ thể, khi có quyết định tước giấy phép lái xe, cơ quan Công an sẽ tiến hành tước quyền sử dụng giấy phép lái xe trực tiếp trên ứng dụng VNeID. Điều này có nghĩa là người vi phạm vẫn giữ nguyên giấy phép lái xe vật lý nhưng sẽ không thể sử dụng được cho đến khi hết thời hạn tước. Việc áp dụng mô hình này đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa phương, đặc biệt là các công dân ngoài địa bàn tỉnh Đồng Tháp khi vi phạm các lỗi liên quan đến việc tước giấy phép lái xe”.

Trung úy Nguyễn Hoàng Đức Tâm, Đội Cảnh sát giao thông trật tự, Công an huyện Tam Nông chia sẻ: “Qua thời gian triển khai, mô hình camera giám sát đã chứng minh được hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Các hành vi vi phạm giao thông như: vượt đèn đỏ, quá tốc độ, đi sai làn đường đã giảm đáng kể. Bên cạnh đó, hệ thống camera còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác điều tra, xử lý vi phạm hành chính và các vụ tai nạn giao thông. Nhờ hình ảnh từ camera, việc xác minh, thu thập chứng cứ trở nên nhanh chóng và chính xác hơn, góp phần đảm bảo công bằng và minh bạch trong quá trình xử lý vụ việc”.

Với những kết quả tích cực bước đầu, Công an huyện Tam Nông đã đề xuất và được cấp có thẩm quyền đồng ý triển khai lắp đặt thêm 6 camera thông minh tại các nút giao thông trọng điểm và cửa ngõ ra vào huyện. Việc mở rộng hệ thống camera sẽ giúp tăng cường khả

năng giám sát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông và phòng ngừa, phát hiện tội phạm.

Thời gian qua, Công an huyện Tam Nông còn triển khai nhiều giải pháp về cải cách hành chính. Nổi bật là mô hình “Ngày thứ Năm không hẹn” là một sáng kiến nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ hành chính công, nhất là trong lĩnh vực quản lý hành chính và trật tự, an toàn giao thông. Theo đó, vào mỗi thứ Năm, người dân có thể trực tiếp đến cơ quan Công an để thực hiện các thủ tục hành chính mà thông thường sẽ mất từ 2 - 4 ngày làm việc để hoàn thành. Nhờ mô hình này, thời gian giải quyết thủ tục được rút ngắn đáng kể, chỉ còn trong 1 buổi làm việc. Điều này không chỉ tạo thuận lợi cho người dân mà còn nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng Công an.

Từ những đổi mới và sáng tạo, Công an huyện Tam Nông đã và đang từng bước xây dựng hình ảnh một lực lượng Công an nhân dân chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân. Việc triển khai hệ thống camera giám sát và xử phạt nguội cùng các mô hình cải cách hành chính khác đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả công tác, tạo niềm tin trong Nhân dân và xây dựng huyện Tam Nông trở thành địa phương ngày càng văn minh, hiện đại.

Nguồn: baodongthap.vn

CÀ MAU: ĐIỂM NHẤN THÀNH TỰU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tỉnh Cà Mau là một trong những địa phương đầu tiên trên cả nước hoàn thành sớm việc kết nối Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống Định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an, để phục vụ chuyển đổi sang sử dụng VNeID làm tài khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử kể từ ngày 01/7/2024. Cùng với đó, tỉnh Cà Mau là 1 trong 14 địa phương hoàn thành sớm việc số hóa dữ liệu sổ hộ tịch lịch sử trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ (giao trước ngày 31/12/2024).

Những chuyển biến và thành tựu trong cải cách hành chính của tỉnh Cà Mau còn phải kể đến điểm nhấn việc triển khai thanh toán trực tuyến đối với 911 thủ tục hành chính có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính, thu thuế, phí, lệ phí, đạt 100%; tất cả thủ tục này đã được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Kết quả, tỷ lệ thanh toán trực tuyến của tỉnh Cà Mau đạt 81,09%, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố.

“Trên cơ sở những kết quả đạt được nêu trên, tỉnh Cà Mau đứng thứ 1/63 tỉnh, thành phố theo Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ”, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Lâm Văn Bi tự hào thông tin.

Nhiều giải pháp sáng tạo, sáng kiến

Trong thực hiện cải cách hành chính, tỉnh Cà Mau luôn xem trọng thực hiện những giải pháp sáng tạo, sáng kiến, như việc triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ về trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất trên Hệ thống Một cửa điện tử, giải pháp này nhằm khắc phục tình trạng chậm, muộn, đi lại nhiều lần của người dân trong việc yêu cầu trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất để hoàn tất hồ sơ của một số thủ tục hành chính về đất đai. Cụ thể, trên cơ sở Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành hướng dẫn quy trình thực hiện trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất trên địa bàn tỉnh, tiến hành thực hiện tiếp nhận, xử lý yêu cầu trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Từ đó, giúp người dân dễ dàng tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ; cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra, giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đối với thủ tục nêu trên.

Cùng với đó, việc thí điểm tiếp nhận hồ sơ về trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất tại một số Bộ phận Một cửa trên địa bàn tỉnh cũng mang lại những kết quả tốt đẹp. Thực tế, nhu cầu thực hiện thủ tục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất của người dân rất lớn. Việc thực hiện thủ tục này tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện thời gian qua chưa được kiểm soát chặt chẽ quy trình, thời gian giải quyết, dẫn đến người dân phải đi lại nhiều lần để thực hiện thủ tục. Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thống nhất thí điểm tiếp nhận hồ sơ về trích lục bản đồ địa chính thửa đất, trích đo địa chính thửa đất tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của TP. Cà Mau và các huyện: Cái Nước, Phú Tân, Năm Căn. Kết quả từ khi triển khai thực hiện (ngày 01/4/2024) đến nay, bộ phận một cửa của 4 đơn vị nêu trên đã tiếp nhận 8.710 hồ sơ.

Những điểm sáng

Nhìn lại kết quả cải cách hành chính nói chung và thủ tục hành chính nói riêng trong năm 2024 cho thấy ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ từng bước được nâng lên. Công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật từng bước được quan tâm và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; qua đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh dần được hoàn thiện. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện bằng nhiều hình thức linh hoạt, đạt hiệu quả, tạo sự lan tỏa rộng khắp đến các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân có điều kiện tiếp cận tham gia tìm hiểu pháp luật ở mọi lúc, mọi nơi.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Cà Mau được đẩy mạnh, một số chỉ tiêu đạt, vượt so với kế hoạch như: tỷ lệ hồ sơ được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến đạt 86,23%/80% kế hoạch; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 81,09%/60% kế hoạch; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đạt 91,86%/90%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện đạt 89,11%/80%, cấp xã đạt 89,07%/75% kế hoạch.

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh được thực hiện thường xuyên, quyết liệt; qua công tác sắp xếp, tỉnh đã giảm 11 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2023. Đồng thời, việc ban hành chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của tất cả các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện đúng quy định của các cơ quan Trung ương. Công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số được nhiều cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt; quy trình xử lý công việc được thông suốt, nhanh gọn, chính xác, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian cho cơ quan, đơn vị, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Nhận định những hạn chế, khó khăn, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm, chỉ rõ nguyên nhân, để làm tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính trong năm 2025 và những năm tiếp theo, trước tiên cần tiếp tục nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; tăng cường tính chủ động, sáng tạo, sáng kiến trong công việc; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nhằm tạo sự khác biệt, đột phá.

Nguồn: baocantau.vn

XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO Ở VIỆT NAM

Trí tuệ nhân tạo là một lĩnh vực công nghệ nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần quan trọng tạo bước phát triển đột phá về năng lực sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc gia. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo cũng có những tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người dân, như quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, việc làm... Do đó, việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về trí tuệ nhân tạo ở Việt Nam đang đặt ra cấp thiết, nhằm quản trị trí tuệ nhân tạo để phát huy được những yếu tố tích cực, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc ứng dụng công nghệ này.

Trí tuệ nhân tạo - cơ hội và thách thức

Trí tuệ nhân tạo - một trong những công nghệ lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - được ứng dụng rộng rãi và đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội, an ninh quốc gia; là công cụ hữu hiệu kích thích tăng trưởng, động lực chính trong chiến lược chuyển đổi số của nhiều quốc gia trên thế giới. Những năm gần đây, trí tuệ nhân tạo đã có những bước tiến đột phá. Sự xuất hiện của ChatGPT vào tháng 11/2022 đã gây ra “con sốt” trên toàn thế giới. Cũng trong năm 2022, Open AI giới thiệu DALL-E-2 - công cụ trí tuệ nhân tạo có khả năng tạo hình ảnh từ văn bản; tạo ra các biến thể dựa trên phong cách của những nghệ sĩ nổi tiếng... Nếu như trước đây, các robot có tích hợp trí tuệ nhân tạo vẫn bị mặc định là những cỗ máy vô cảm, không thể có được cảm xúc giống con người, thì hiện nay, một số chương trình phát triển trí tuệ nhân tạo đã tạo ra các sản phẩm thông minh về mặt cảm xúc, sử dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực, như tiếp thị, chăm sóc sức khỏe, nghệ thuật.

Có thể nói, những tiến bộ vượt bậc của trí tuệ nhân tạo đã tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến đời sống văn hóa - xã hội; định hình lại cách thức, phương thức của một số hoạt động kinh tế và cách mạng hóa nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích không thể phủ nhận, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đã đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia:

Về xã hội, trí tuệ nhân tạo tác động lớn đến thị trường lao động và bất bình đẳng kinh tế. Dự báo, có khoảng 800 triệu công nhân trên toàn cầu sẽ mất việc làm vào năm 2030 do tác động của trí tuệ nhân tạo(1). Ở cấp độ khu vực, theo Tổ chức lao động quốc tế (ILO) dự báo, một nửa số người lao động làm công ăn lương (khoảng 137 triệu công nhân) ở Campuchia, Indonesia, Việt Nam, Philippines và Thái Lan có thể mất việc trong 20 năm tới(2)... Những tiến bộ có tính chất đột phá của trí tuệ nhân tạo có thể làm thay đổi đáng kể thị trường việc làm, từ đó gây ra những bất bình đẳng về thu nhập, khoảng cách giữa người lao động có trình độ cao với những người lao động có trình độ trung bình hoặc thấp sẽ ngày càng lớn, có thể dẫn tới bất ổn xã hội gia tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng phổ biến trí tuệ nhân tạo cũng đặt ra các vấn đề về đạo đức, những thiên kiến về giới hay chủng tộc, những vấn đề về quyền riêng tư và an ninh.

Về kinh tế, trí tuệ nhân tạo dự báo sẽ đóng góp khoảng 15,7 nghìn tỷ USD vào GDP toàn cầu năm 2030(4). Từ góc độ khu vực, Trung Quốc và Bắc Mỹ được dự báo sẽ chứng kiến những tác động lớn nhất của trí tuệ nhân tạo. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và sự bùng nổ về kinh tế của nó đang mở đường cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ năm và trí tuệ nhân tạo sẽ là trung tâm của cuộc cách mạng công nghiệp mới này. Đây có thể là một cơ hội nhảy vọt cho các thị trường mới nổi nếu họ có chính sách phù hợp, đáp ứng các tiêu chí của cuộc cách mạng này. Đối với các quốc gia ASEAN, trí tuệ nhân tạo có thể có tác động đáng kể đến nền kinh tế ASEAN, có khả năng giúp GDP tăng trưởng từ 10% đến 18%, tương đương trị giá gần 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo cũng tác động tiêu cực về mặt kinh tế. Sự vận hành, phát triển của trí tuệ nhân tạo dựa trên nguồn dữ liệu khổng lồ (big data), nguồn dữ liệu này chủ yếu nằm trong tay những tập đoàn công nghệ lớn (Big Tech) trên thế giới, trong đó khoảng 65% trung tâm dữ liệu toàn cầu thuộc sở hữu của Amazon, Microsoft và Google. Để phát triển sản phẩm, các doanh nghiệp khởi nghiệp (start up) đều phải sử dụng và phụ thuộc vào dữ liệu của ba “ông lớn” công nghệ này. Điều đó đồng nghĩa với việc các sản phẩm công nghệ trí tuệ nhân tạo của các doanh nghiệp khởi nghiệp về trí tuệ nhân tạo bị kiểm soát và bị chi phối bởi các ông lớn. Đây là sự độc quyền về công nghệ - yếu tố cản trở sự phát triển kinh tế ở tầm vĩ mô.

Về an ninh quốc gia, trí tuệ nhân tạo được sử dụng để phân tích khối lượng dữ liệu lớn từ nhiều nguồn khác nhau một cách nhanh chóng và hiệu quả để xác định các mối đe dọa tiềm tàng, như tấn công mạng, hoạt động khủng bố... Những phân tích, dự báo của trí tuệ nhân tạo giúp các cơ quan an ninh chủ động ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, các hành động khủng bố và ứng phó hiệu quả với các cuộc khủng hoảng. Công nghệ nhận dạng khuôn mặt được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo giúp việc xác định và bắt giữ nghi phạm một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để tấn công mạng, khai thác các lỗ hổng trong hệ thống bảo mật máy tính, làm tê liệt hoàn toàn hệ thống máy chủ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

Những tác động đa chiều của trí tuệ nhân tạo đến đời sống kinh tế - xã hội, an ninh quốc gia, tổ chức, cá nhân, đòi hỏi các tổ chức quốc tế, các thiết chế khu vực và mỗi quốc gia cần có cơ chế pháp lý để quản trị trí tuệ nhân tạo nhằm phát huy những yếu tố tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc ứng dụng công nghệ này, cụ thể:

Liên Hợp quốc: Ngày 21/3/2024, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua nghị quyết toàn cầu đầu tiên về trí tuệ nhân tạo nhằm kêu gọi các nước chung tay bảo vệ quyền con người, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn từ công nghệ này. Nghị quyết này do Hoa Kỳ đề xuất và không mang tính ràng buộc pháp lý nhưng nó được hơn 120 quốc gia khác đồng bảo trợ. Nghị quyết được thông qua với sự đồng thuận của toàn bộ 193 nước thành viên Liên hợp quốc, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường các chính sách về quyền riêng tư.

Hoa Kỳ: Ngày 30/10/2023, Tổng thống Joe Biden đã ký một sắc lệnh của cơ quan hành pháp “Phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, bảo mật và đáng tin cậy”. Sắc lệnh này nhấn mạnh sự cần thiết phải phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm, tập trung vào các lĩnh vực, như dữ liệu cá nhân, hạt nhân, sinh học. Mặc dù đây không phải là một văn bản có tính

quy phạm, không trực tiếp áp đặt các quy định, nhưng sắc lệnh này vạch ra các nguyên tắc hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan liên bang xây dựng các kế hoạch cụ thể để sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm.

Trung Quốc: Nằm trong nhóm dẫn đầu về đầu tư, nghiên cứu, sáng chế và ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Từ năm 2022, nước này đã thống trị bảng xếp hạng toàn cầu về ngành robot công nghiệp (với số lượng lắp đặt chiếm tỷ lệ 52,4%) và số lượng bằng sáng chế liên quan đến trí tuệ nhân tạo (chiếm 61,1%). Mặc dù chưa chính thức ban hành đạo luật về trí tuệ nhân tạo, nhưng trung tâm dữ liệu của Trung Quốc đã được trí tuệ nhân tạo kích hoạt từ nhiều năm trước. Năm 2023, Trung Quốc đứng thứ 2 thế giới về giá trị các khoản đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (sau Hoa Kỳ). Về mặt quản trị trí tuệ nhân tạo, năm 2017, Trung Quốc lần đầu tiên công bố “Kế hoạch phát triển trí tuệ nhân tạo thế hệ mới” tầm nhìn đến 2030 với lộ trình: Bắt kịp các nước phương Tây vào năm 2023, vượt qua các nước phương Tây vào năm 2025, dẫn đầu thế giới vào năm 2030. Trong bản kế hoạch này, Trung Quốc đưa ra lộ trình điều tiết và điều chỉnh pháp luật đối với trí tuệ nhân tạo, theo đó, đến năm 2025, thiết lập hệ thống khung pháp lý điều chỉnh trí tuệ nhân tạo, bao gồm đạo luật về trí tuệ nhân tạo, bộ quy tắc đạo đức, hệ thống chính sách thông tin về trí tuệ nhân tạo để hình thành khả năng đánh giá và kiểm soát an ninh, rủi ro đối với trí tuệ nhân tạo. Tháng 7/2023, Trung Quốc ban hành văn bản “Các biện pháp tạm thời để quản lý các dịch vụ trí tuệ nhân tạo”. Một dự thảo về khung pháp lý cho trí tuệ nhân tạo cũng đã được đưa vào chương trình nghị sự của Quốc hội Trung Quốc trong thời gian tới.

Liên minh châu Âu (EU): Tháng 2/2024, đạo luật về trí tuệ nhân tạo đã được Nghị viện châu Âu thông qua. Đây là đạo luật đầu tiên trên thế giới điều chỉnh toàn diện các vấn đề về trí tuệ nhân tạo. Mục tiêu chính của đạo luật này là khuyến khích phát triển các hệ thống trí tuệ nhân tạo có đạo đức và trách nhiệm; theo đó, trong việc nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, cần thiết lập các nguyên tắc về tiêu chuẩn rõ ràng để bảo đảm các công nghệ trí tuệ nhân tạo tôn trọng các quyền cơ bản và nguyên tắc đạo đức. Đạo luật này nhấn mạnh vai trò quan trọng của sự minh bạch, trách nhiệm và sự giám sát của con người trong thiết kế và triển khai trí tuệ nhân tạo. Bằng cách khuyến khích phát triển trí tuệ nhân tạo có đạo đức, EU muốn xây dựng lòng tin của công chúng vào công nghệ trí tuệ nhân tạo; đồng thời, giảm thiểu các rủi ro và thiệt hại tiềm ẩn liên quan đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo. Đạo luật đặt ra các yêu cầu về mặt đạo đức cho các nhà phát triển và nhà cung cấp sản phẩm trí tuệ nhân tạo để tích hợp vào tất cả các giai đoạn của quá trình phát triển trí tuệ nhân tạo, từ thiết kế đến triển khai và kể cả sau khi triển khai các sản phẩm trí tuệ nhân tạo. Các yêu cầu này bao gồm các biện pháp để giảm thiểu sự thiên vị, bảo đảm sự công bằng và bảo vệ quyền riêng tư.

ASEAN: Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo đang phát triển nhanh trên toàn cầu, ngày 07/6/2024, sau Hội nghị Bộ trưởng Khoa học, Công nghệ và Đổi mới ASEAN lần thứ 20 (AMMSTI-20), được tổ chức tại Siem Reap (Campuchia) với chủ đề “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Hành trình tới tương lai”, các quốc gia ASEAN đã tuyên bố triển khai 5 hoạt động liên quan đến trí tuệ nhân tạo. ASEAN cũng đã thành lập một nhóm công tác về quản trị trí tuệ

nhân tạo, nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo, bao gồm quản lý trí tuệ nhân tạo tạo sinh và thúc đẩy việc sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, có trách nhiệm và có đạo đức.

Sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật đối với trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam

Là một quốc gia phát triển nền “kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế”(5) và “có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế chung của thế giới..., thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”(6), với cơ cấu tỷ lệ dân số vàng(7)..., Đảng và Nhà nước Việt Nam đã sớm nhận thức rõ vai trò quan trọng của những thành tựu công nghệ mới trong sự phát triển đất nước. Ngày 22/3/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 23/NQ-TW về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết xác định, một trong những ngành công nghệ cần ưu tiên phát triển là công nghệ thông tin, theo đó “giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hoá...”(8). Tiếp đó, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong nghị quyết này, lần đầu tiên nhắc đến khái niệm “trí tuệ nhân tạo” và xác định đây là một trong những lĩnh vực cần có chính sách ưu tiên phát triển(9). Ngày 17/4/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW trong đó, giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia đối với một trong những lĩnh vực cần được ưu tiên phát triển là trí tuệ nhân tạo (10). Để thực hiện nhiệm vụ này, ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

Định hướng chiến lược trong Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 chỉ rõ: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến trí tuệ nhân tạo, theo đó cần xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp lý thông thoáng đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào cuộc sống; phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm, tránh lạm dụng công nghệ và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân(11). Có thể nói, cơ sở chính trị đã được thiết lập đầy đủ cho việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế pháp lý điều chỉnh các vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo.

Về cơ sở thực tiễn, trong những năm qua, các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, như Viettel, FPT, CMC, VNPT, Vingroup đã từng bước nắm bắt xu hướng phát triển thị trường, ứng dụng các tiến bộ của công nghệ trí tuệ nhân tạo để cung cấp các sản phẩm trí tuệ nhân tạo cho nhu cầu thị trường trong nước(11). Theo Báo cáo về chỉ số sẵn sàng cho trí tuệ nhân tạo của Chính phủ năm 2023, Việt Nam đã tăng điểm trung bình, đạt 54,48 điểm vào năm 2023 so với 53,96 vào năm 2022. Kết quả này giúp Việt Nam vượt qua Philippines để vươn lên vị trí thứ 5/10 nước ASEAN(12). Điều

này không chỉ phản ánh sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo, mà còn cho thấy xu hướng hình thành nền công nghiệp trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam. Với những lợi thế nhất định trong lĩnh vực này, công nghệ trí tuệ nhân tạo của Việt Nam có khả năng kế thừa những thành tựu của công nghệ trí tuệ nhân tạo trên thế giới. Lực lượng lao động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo của Việt Nam có bước phát triển nhanh, từng bước tiếp cận với trình độ của thế giới... Do đó, Việt Nam cần xây dựng và hoàn thiện một hành lang pháp lý minh bạch để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của thị trường công nghệ trí tuệ nhân tạo, phát huy hiệu quả của trí tuệ nhân tạo đối với xã hội; đồng thời hạn chế những tiêu cực, rủi ro có thể mang lại.

Hướng tiếp cận của Việt Nam trong xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về trí tuệ nhân tạo

Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về trí tuệ nhân tạo của Việt Nam cần bảo đảm đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030, Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực ASEAN và trên thế giới. Đồng thời, chủ động phòng ngừa, ứng phó để hạn chế các tác động tiêu cực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, công bằng xã hội và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước. Do đó, hướng tiếp cận cần tập trung vào số nội dung chính sau:

Trí tuệ nhân tạo và vấn đề sở hữu trí tuệ

Việc nghiên cứu, vận hành và phát triển các sản phẩm trí tuệ nhân tạo đòi hỏi phải thu thập và sử dụng một lượng dữ liệu khổng lồ. Vì thế, khi xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến khía cạnh này, các nhà hoạch định chính sách cần có quy định đối với các nhà phát triển trí tuệ nhân tạo về việc thu thập, sử dụng dữ liệu, như xin giấy phép sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng dữ liệu hoặc bồi thường cho chủ sở hữu đối với việc sử dụng dữ liệu trong quá trình huấn luyện trí tuệ nhân tạo; hoặc chia sẻ doanh thu đối với những sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra.

Bên cạnh đó, khi công nghệ trí tuệ nhân tạo đạt được những thành tựu đột phá như hiện nay, máy móc có tích hợp trí tuệ nhân tạo ngày càng có được những kỹ năng giống con người, ít nhiều làm mờ đi sự khác biệt giữa con người và máy móc. Sự thông minh của trí tuệ nhân tạo (qua công nghệ học máy) khiến nó vượt qua những thuật toán ban đầu của kỹ sư công nghệ để sáng tạo ra những sản phẩm độc lập không có sự can thiệp của con người. Trong trường hợp này, các sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra có nên được bảo vệ bởi luật bản quyền và bằng sáng chế hay không? Chủ thể nào (con người hay trí tuệ nhân tạo) sẽ là chủ sở hữu của sản phẩm đó? Hiện nay, pháp luật về sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam chỉ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm nguyên gốc, theo nghĩa tác phẩm đó phải do chính con người tạo ra. Tuy nhiên, nếu vẫn giữ cách tiếp cận truyền thống này, thì có thể gây ra những tác động tiêu cực đến sự phát triển trí tuệ nhân tạo. Mặc dù là một sản phẩm do máy móc tạo ra, nhưng với năng lực tự học hỏi, tự hoàn thiện, trí tuệ nhân tạo đã “gạt” sự can thiệp của con người ra một bên để độc lập trong việc ra quyết định và tạo ra sản phẩm riêng của nó mà không cần sự can thiệp của con người. Theo cách tiếp cận truyền thống, vì

không phải do con người tạo ra nên sản phẩm này không được bảo vệ bằng pháp luật về sở hữu trí tuệ. Điều này sẽ đặt các tác phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra vào phạm vi công cộng, cho phép mọi người được sử dụng chúng mà không phải trả tiền bản quyền hoặc bồi hoàn lợi ích tài chính cho nhà phát triển trí tuệ nhân tạo. Hướng tiếp cận này sẽ làm triệt tiêu động lực sáng tạo của các nhà phát triển trí tuệ nhân tạo và không có tác động thúc đẩy ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo phát triển. Ngược lại, nếu cách tiếp cận phù hợp hơn, theo hướng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm trí tuệ nhân tạo, giải quyết vấn đề quyền sở hữu và cấp phép nhằm bảo đảm quyền lợi cả về vật chất và tinh thần cho những người phát triển trí tuệ nhân tạo, thì giải pháp này có thể khuyến khích khả năng sáng tạo của con người, thúc đẩy sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Trí tuệ nhân tạo và vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân

Bảo vệ dữ liệu cá nhân và phát triển trí tuệ nhân tạo là hai mặt của chính sách đổi mới công nghệ trí tuệ nhân tạo hiện nay. Khi con người càng hướng đến việc sử dụng nhiều hơn các sản phẩm trí tuệ nhân tạo để phục vụ cuộc sống, thì quyền riêng tư và việc bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng bị thu hẹp đi. Việc sử dụng camera giám sát trong không gian công cộng là cần thiết và hiện nay đã trở thành phổ biến để phục vụ lợi ích của con người. Nhưng nếu công nghệ của camera kết hợp với việc sử dụng phần mềm nhận dạng khuôn mặt, thì mạng lưới camera khi đó sẽ biến thành công cụ xâm phạm quyền riêng tư. Đây là hai mặt của một vấn đề mà khi xây dựng khung pháp luật cho trí tuệ nhân tạo cần có cơ chế cân bằng giữa việc phát triển công nghệ với việc bảo vệ quyền riêng tư về mặt thông tin của cá nhân.

Để đạt được sự cân bằng này, các nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã thiết lập một số nguyên tắc mà Việt Nam có thể tham khảo, đó là: 1. Cần giới hạn việc thu thập thông tin cá nhân: Chỉ thu thập trong phạm vi những gì cần thiết, thông tin cá nhân chỉ nên được thu thập bằng các phương tiện hợp pháp và công bằng; khi thu thập, cá nhân phải được biết và đồng ý; 2. Mục đích của việc thu thập thông tin cá nhân phải được thông báo công khai, rõ ràng cho cá nhân; 3. Hạn chế sử dụng: Chỉ nên sử dụng hoặc tiết lộ thông tin cá nhân cho mục đích thu thập thông tin đó, trừ khi có sự đồng ý hoặc quy định pháp luật cho phép được sử dụng vì những mục đích khác. Việc thúc đẩy sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, kể cả với mục đích phục vụ lợi ích của con người, không có nghĩa là quyền riêng tư sẽ không còn quan trọng hoặc không được bảo vệ. Vấn đề là tìm ra điểm cân bằng giữa hai khía cạnh trên, theo đó, các chính sách để thúc đẩy sự phát triển của trí tuệ nhân tạo phải luôn được đặt trong bối cảnh bảo đảm thông tin được xử lý một cách có đạo đức và có trách nhiệm sau khi nó được thu thập.

Vấn đề đạo đức trong phát triển trí tuệ nhân tạo

Không thể phủ nhận rằng, chính những ưu thế và sức mạnh của trí tuệ nhân tạo cũng gây ra những lo ngại sâu sắc về mặt đạo đức. Những thuật toán của trí tuệ nhân tạo có thể chứa đựng những thiên kiến vi phạm đạo đức xã hội khiến quyền lợi của người sử dụng, nhất là những người yếu thế bị ảnh hưởng, hay kết quả đầu ra của trí tuệ nhân tạo bị làm cho sai lệch một cách có chủ ý khiến việc ra quyết định của chủ thể liên quan không còn chính xác hoặc

năng lực tự hoàn thiện của trí tuệ nhân tạo (qua học máy) có thể vượt qua thuật toán lập trình ban đầu, để tự ra các quyết định không cần đến sự can thiệp của con người và gây nguy hiểm cho người sử dụng... Những rủi ro như vậy dẫn đến những tổn hại về mặt xã hội. Đó là điều mà Việt Nam phải tính tới khi thiết lập khung pháp lý cho trí tuệ nhân tạo.

TS. Nguyễn Thị Thu Vân, Nguyên Phó Viện trưởng Viện Pháp luật Kinh tế,

Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội.

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

Ghi chú:

(1) Xem: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2199853123002809>.

(2) Eijas Ariffin (2018), <https://theaseanpost.com/article/what-are-effect-automation-asean-workforce>.

(3) Xem: Arianna Johnson, 2023. Nguồn:

<https://www.forbes.com/sites/ariannajohnson/2023/03/30/which-jobs-will-ai-replace-these-4-industries-will-be-heavily-impacted/>

(4) Xem: <https://www.pwc.com/gx/en/issues/analytics/assets/pwc-ai-analysis-sizing-the-prize-report.pdf>

(5) Nguyễn Phú Trọng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 25 - 26.

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2021, tập I, tr. 140.

(7) Bắt đầu từ năm 2007, với tỉ số người phụ thuộc chung dưới 50%, Việt Nam chính thức bước vào thời kỳ cơ cấu dân số vàng. Tại thời điểm này, chuyên gia nhận định thời kỳ dân số vàng sẽ kéo dài trong vòng 20 - 30 năm nữa, tức 2027 - 2037.

(8) Xem: Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22-3-2018, của Bộ Chính trị, về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(9) Xem: Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(10) Xem: Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17-4-2020, của Chính phủ, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019, của Bộ Chính trị, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(11) Xem: Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

(12) Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số Quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông, “Phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo - Kinh nghiệm thế giới và thực tiễn Việt Nam”, Tham

luận trình bày tại Hội thảo “Pháp luật trí tuệ nhân tạo: Kinh nghiệm quốc tế và các khuyến nghị chính sách cho Việt Nam”, Hà Nội, tháng 5/2024, tr.5.

(13) Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 55/181 quốc gia được khảo sát. Năm 2023, Việt Nam đứng thứ 59/193 quốc gia.

CÁCH MẠNG TINH GIẢN BỘ MÁY: “SIÊU BỘ” NHẬP THÊM BỘ

Hơn 20 năm sau đổi mới kinh tế, cải cách nền hành chính nhà nước theo các chủ trương của Đảng bước đầu phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong thời kỳ mở cửa, hội nhập. Tuy vậy, đến năm 2007, nhìn lại, Ban Chấp hành Trung ương đánh giá tổ chức bộ máy vẫn còn khá cồng kềnh, trùng lặp cần giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian và tiếp tục hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Bộ đa ngành, đa lĩnh vực

Sáng ngày 19/7/2007, Quốc hội khóa XII bước vào kỳ họp thứ nhất với nhiều niềm vui sự phấn khởi, khi kinh tế - xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, cuối năm 2006, sau hơn 11 năm kiên trì và nỗ lực đàm phán, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), mở “cánh cửa” lớn trong phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập.

Tuy nhiên, so với sự đổi mới về kinh tế và hội nhập thì cải cách nền hành chính nhà nước, cải cách tổ chức bộ máy vẫn còn chậm. Quốc hội khóa X (từ 1997 - 2002), dù đã có nhiều cải cách, thu gọn đầu mối nhưng cơ cấu tổ chức của Chính phủ vẫn còn tới 48 đầu mối. Sang khóa XI, nhiệm kỳ Chính phủ 2002 - 2007 còn 38 đầu mối, gồm: 26 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 12 cơ quan thuộc Chính phủ.

Ông Vũ Trọng Kim, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng - nhớ lại, sau Đại hội X của Đảng, vấn đề sắp xếp tổ chức bộ máy là nội dung được Đảng quan tâm. Tháng 7/2007, Ban Chấp hành Trung ương đã họp Hội nghị lần thứ 5 với nhiệm vụ quan trọng đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

Cải cách hành chính đã đạt những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của đất nước. Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước. Cơ cấu tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Trên tinh thần đó, Trung ương thống nhất ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hình thành bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

“Đây là chủ trương đúng đắn, nhận được sự đồng thuận rất cao”, ông Kim nhớ lại. Theo ông, sau quá trình sáp nhập các Bộ, ngành lại với nhau cho thấy tính hiệu quả rõ nét. Đặc biệt, qua việc sáp nhập Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Năng lượng thành Bộ Công nghiệp, hay sáp nhập Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì thấy, không chỉ giúp bộ máy được tinh gọn mà tính hiệu lực, hiệu quả cũng cao hơn.

“Nếu cứ chia khúc giữa các Bộ, ngành có chức năng nhiệm vụ tương đồng với nhau thì chỉ riêng việc hỏi qua, hỏi lại để thống nhất với nhau thôi, có khi cũng mất cả tháng”, ông Kim nói.

Tinh gọn và liên thông

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XII, Chính phủ trình Quốc hội cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ mới, trong đó có việc thành lập, bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ. Cụ thể, Chính phủ đề nghị: hợp nhất Bộ Thủy sản với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hợp nhất Bộ Công nghiệp với Bộ Thương mại thành Bộ Công thương; hợp nhất Ủy ban Thể dục thể thao với Bộ Văn hóa - Thông tin, đồng thời giao Bộ này quản lý Tổng cục Du lịch và đổi tên thành Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Chính phủ đồng thời cũng đề nghị giải thể Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em, chuyển các chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban này sang các Bộ khác có liên quan. Ngoài ra, Chính phủ đề nghị điều chỉnh chức năng nhiệm vụ và đổi tên Bộ Bưu chính - Viễn thông thành Bộ Thông tin và Truyền thông. Như vậy, so với cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2002 - 2007, Chính phủ nhiệm kỳ 2007 - 2011, dự kiến giảm 4 Bộ, ngành.

Nhớ lại thời điểm trên, ông Lê Như Tiến khi đó là đại biểu Quốc hội khóa XII, Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội (nay là Ủy ban Văn hóa, Giáo dục) kể, khi thảo luận tại Quốc hội, ông và các đại biểu đều bày tỏ sự đồng tình, ủng hộ rất cao đối với phương án cơ cấu tổ chức bộ máy mà Chính phủ trình. Bởi những Bộ, ngành được đề xuất hợp nhất, xóa bỏ có chức năng nhiệm vụ khá tương đồng với nhau, sáp nhập lại sẽ giúp giảm đầu mối, giảm thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Theo ông Tiến, sau một thời gian thực hiện sắp xếp các Bộ, ngành lại với nhau theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, mỗi đại biểu đều nhìn thấy rõ tính hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị sau khi được hợp nhất. Ví dụ, lĩnh vực nông nghiệp, sau hơn 10 năm thực hiện sáp nhập các Bộ lại thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì thấy, không chỉ giúp giảm được đầu mối mà quan trọng hơn còn tạo ra sự liên thông, giúp việc hoạch định chính sách, triển khai công việc nhanh hơn, thuận lợi hơn, lợi ích tạo ra lớn hơn so với thời kỳ còn là 3 Bộ riêng biệt.

Tương tự, sau khi Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Năng lượng sáp nhập thành Bộ Công nghiệp thì hoạt động cũng hiệu lực, hiệu quả hơn. “Việc thành lập Bộ đa ngành, đa lĩnh vực là xu thế tất yếu. Nếu mỗi Bộ chỉ thực hiện một công việc chuyên ngành thì số lượng các Bộ sẽ rất lớn, không thể tinh gọn được bộ máy”, ông Tiến nhớ lại.

Đặt lợi ích chung lên trên hết

Tuy vậy, cải cách bộ máy là lĩnh vực liên quan đến con người, đến từng tổ chức, có ý nghĩa cả về chức vụ, quyền lợi, công việc nên luôn có sự phức tạp. Ông Vũ Trọng Kim kể, khi thực hiện việc hợp nhất các Bộ có chức năng nhiệm vụ tương đồng với nhau cũng có những khó khăn, băn khoăn, tâm tư nhất định. Trong đó, khó khăn vướng mắc lớn nhất là vấn đề giải quyết con người, là sắp xếp công tác cán bộ như thế nào?

“Có nhiều người hỏi ý kiến tôi, bây giờ sáp nhập Bộ, ngành lại với nhau như thế dẫn đến công việc bị ảnh hưởng, theo anh em nên như thế nào? Khi đó tôi cũng nói thẳng, nếu thấy phù hợp thì tiếp tục nỗ lực, cố gắng, còn nếu thấy không hợp nữa thì có thể xin điều chuyển công tác, thậm chí xin nghỉ ra ngoài để làm những việc mình thích”, ông Kim kể.

Với những lãnh đạo quản lý, ông Kim cho hay, khi tâm sự ông cũng nói với họ rằng: “Việc lớn, vì việc chung của xã hội, cá nhân mình chỉ là hạt cát thôi, vấn đề quan trọng là vì lợi ích chung của đất nước nên ủng hộ. Còn chức vụ thì cứ làm tốt công việc, làm xuất sắc nhiệm vụ đi rồi cái gì đến sẽ đến”, ông Kim cho hay.

Theo đánh giá của ông Vũ Trọng Kim, những Bộ, ngành được đề xuất hợp nhất nhiệm kỳ 2007 - 2011 có quan hệ với nhau, “không cách biệt, đa ngành nhưng không tách rời”. “Việc hợp nhất các Bộ, ngành có chức năng nhiệm vụ tương đồng giúp tăng hiệu lực, hiệu quả, để khỏi phải hỏi, xin ý kiến nhau, làm nảy sinh thủ tục và lãng phí thời gian”, ông Kim nói.

Nhiệm kỳ 2002 - 2007, Chính phủ có 38 đầu mối, gồm: 26 Bộ, cơ quan ngang Bộ và 12 cơ quan thuộc Chính phủ. Đến nhiệm kỳ 2007 - 2011, bộ máy Chính phủ được sắp xếp còn 22 Bộ, 4 cơ quan ngang Bộ và 4 cơ quan thuộc Chính phủ. Cơ cấu Chính phủ về cơ bản giữ nguyên ổn định cho đến hiện nay.

Ông Lê Như Tiến kể, sau khi thảo luận, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ với tỷ lệ ủng hộ cao. Theo Nghị quyết của Quốc hội, cơ cấu Chính phủ nhiệm kỳ 2007 - 2011 gồm 18 Bộ, gồm: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; 4 cơ quan ngang Bộ gồm: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc.

Ông Nguyễn Đức Hà, nguyên Vụ trưởng Vụ Cơ sở Đảng, Ban Tổ chức Trung ương cũng cho rằng, các quyết định được Quốc hội khóa XII thông qua cho thấy, việc hình thành các Bộ đa ngành, đa lĩnh vực là quyết định đúng đắn, phù hợp cả về lý luận và thực tiễn. “Đây là những tiền đề quan trọng để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và có thêm các giải pháp trong cải cách tổ chức bộ máy ở các nhiệm kỳ tiếp theo”, ông Hà nói.

Nguồn: tienphong.vn

TINH GỌN BỘ MÁY: THU GỌN ĐẦU MỐI QUẢN LÝ, GIẢM BỚT CÔNG KÈNH

Thực hiện đúng việc tinh gọn bộ máy sẽ giúp phát huy được năng lực, tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, công chức, tạo động lực, động viên những người được giao trách nhiệm thực hiện hiệu quả hơn.

Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm về xây dựng hệ thống chính trị với tiêu đề “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” có ý nghĩa quan trọng trong hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhiều nhà khoa học, đảng viên tại Thủ đô Hà Nội đồng tình với chủ trương này; đồng thời, nêu kiến nghị xuất phát từ thực tiễn tại địa phương trong quá trình sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính.

Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế theo lộ trình phù hợp

Theo PGS. TS. Bùi Thị An, Viện trưởng Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển cộng đồng (Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam), thực hiện đúng việc tinh gọn bộ máy sẽ giúp phát huy được năng lực, tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, công chức, tạo động lực, động viên những người được giao trách nhiệm thực hiện công việc hiệu quả hơn.

“Việc thu gọn đầu mối quản lý sẽ giúp bộ máy bớt chồng chéo, giảm đi những thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết. Nếu trước đây, người dân muốn giải quyết một thủ tục hành chính phải đi đến 5 đầu mối quản lý thì nay, chỉ cần đến một đầu mối; như vậy là làm lợi cho nhân dân. Cùng với đó, khi bộ máy tinh gọn sẽ giảm bớt gánh nặng về chi thường xuyên (chi trả lương) cho tổ chức, đơn vị. Đó là điều kiện để có thể tăng lương với những cán bộ được chọn lọc; đồng thời, khi được phân công nhiệm vụ, họ sẽ phấn khởi hơn, làm việc năng suất hơn”, PGS. Bùi Thị An chia sẻ.

PGS. TS. Bùi Thị An cũng cho rằng thời gian tới cần tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, cần tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về tinh gọn đơn vị hành chính Nhà nước trong các giai đoạn 2023 - 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

Qua theo dõi tại địa phương, PGS. TS. Bùi Thị An nhận thấy việc đổi mới và kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị được TP. Hà Nội hết sức coi trọng, hướng tới mục tiêu nâng cao vai trò của tổ chức bộ máy Đảng mạnh từ cấp tỉnh/thành phố tới cơ sở, đủ sức tham mưu cho cấp ủy các cấp những quyết sách phát triển lớn.

Ví dụ, khi chuẩn bị xây dựng các luật, cơ quan xây dựng và thi hành luật cần có sự thống nhất, đồng hành để các dự án luật được thực hiện và đi vào cuộc sống. Thực tế thời gian qua, tại TP. Hà Nội, để các cơ chế, chính sách được thực hiện và đi vào cuộc sống; Ủy ban Nhân dân và Hội đồng Nhân dân thành phố luôn sát cánh, cùng nhau họp bàn, phân tích để khi trình ra Hội đồng Nhân dân những nội dung có chất lượng nhất, nhận được sự đồng tình cao nhất đối với các văn bản luật.

PGS. TS. Bùi Thị An phân tích làm gọn đầu mối, sáp nhập các đơn vị hành chính Nhà nước chính là công việc liên quan đến việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, nhân sự.

“Nơi nào đã làm tốt thì cần tiếp tục phát huy; đặc biệt, phải có cách thức thực hiện phù hợp, không phải đạt được một số kết quả bước đầu rồi là dừng lại. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế theo lộ trình phù hợp đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tinh giản biên chế theo Kết luận 40-KL/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026”, PGS. Bùi Thị An nói.

Bên cạnh đó, PGS. Bùi Thị An đề xuất rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc biệt là đẩy mạnh tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại số lượng người làm việc theo hướng giảm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước và tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 75/2022/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; yêu cầu những người đứng đầu ngành, địa phương phải cam kết trước khi nhận nhiệm vụ.

Rà soát đổi mới tổ chức bộ máy

TS. Nguyễn Huy Quang, Trưởng ban Ban Tư vấn, phản biện và giám định xã hội, Tổng hội Y học Việt Nam (Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam), nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Y tế, cho rằng tập trung hoàn thiện thể chế theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” mà Tổng Bí thư Tô Lâm đề cập trong bài viết không chỉ là hoàn thiện thể chế chính trị mà còn hoàn thiện thể chế về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường theo đúng pháp luật và đúng định hướng của Đảng, phải đầy đủ, toàn diện và công khai, minh bạch và rõ ràng.

“Nếu chúng ta làm tuân tự xây dựng đề án này từ sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 và một số các luật trong vòng 12 kỳ họp của Quốc hội thì chúng ta không thể bảo đảm được những định hướng mà Đảng đề ra”, TS. Trần Huy Quang nhận định.

Bày tỏ đồng tình với việc Trung ương cũng ra Nghị quyết về tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm với nhiệm vụ và biên chế hợp lý, chuẩn hóa các chức danh, TS. Trần Huy Quang cho rằng, tinh thần là tổ chức lại bộ máy nhưng không phải sáp nhập mang tính chất cơ học mà là loại bỏ những vị trí không cần thiết, giảm những công việc không hiệu quả, từ đó tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực then chốt, những con người thực sự xứng đáng và phù hợp.

Ngoài ra, theo TS. Nguyễn Huy Quang, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền như Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh trong bài viết là một giải pháp mang tính hệ thống quan trọng. Khi địa phương được trao quyền quyết định và chịu trách nhiệm, họ sẽ chủ động hơn trong việc điều chỉnh quy mô nhân lực phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, phân quyền chỉ là một phần, thách thức lớn hơn nằm ở việc cải tiến quy trình.

Từ chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, TS. Nguyễn Huy Quang đề xuất các hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam hiện cũng có những

hội, thành viên tự hoạt động, cần phải rà soát lại xem là tổ chức nào đang nhận biên chế và có kinh phí để hoạt động, tổ chức nào còn hoạt động hiệu quả.

Lấy ví dụ, Tổng hội Y học Việt Nam, Hội Dược học, Hội Chữ thập Đỏ đều có cùng chức năng, cùng đối tượng nhiệm vụ thì nên gộp lại các Hội này để từ đó Nhà nước sẽ định biên và trả lương. Đồng thời, Nhà nước cần phân loại rõ ràng, mạnh dạn chuyển giao những nhiệm vụ khu vực ngoài nhà nước có thể thực hiện tốt hơn với chi phí thấp hơn.

Nguồn: vietnamplus.vn/TTXVN

CẢI CÁCH PHẦN “MỀM” LẤN PHẦN “CỨNG”

Làm thế nào để bộ máy nhà nước hoạt động cho tinh gọn, hiệu quả, phục vụ tốt hơn nữa các nhiệm vụ hành chính của Nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân là vấn đề đã được Đảng ta quan tâm rất nhiều và rất sớm.

Hiệu lực hoạt động bộ máy nhà nước

Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng vào năm 1986, khi tiến hành công cuộc đổi mới để chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế theo thể chế thị trường, chúng ta đã ý thức được là đi kèm với đổi mới kinh tế phải đổi mới bộ máy nhà nước.

Khi ấy, Đảng đã chỉ ra được đối tượng cần cải cách là thể chế hành chính, bộ máy hành chính, đội ngũ cán bộ công chức và từng bước hiện đại hóa nền hành chính. Nghị quyết của Đảng khi ấy đã nêu ra những vấn đề cốt lõi của công cuộc cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính, như vấn đề “cởi trói” cho doanh nghiệp, đầu tư, hội nhập quốc tế, đất đai, hộ khẩu, hộ tịch, xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu... tức những vấn đề gì liên quan đến công dân, doanh nghiệp đều đã được vạch ra. Bắt đầu từ năm 1994, công cuộc cải cách này được triển khai.

Tiếp đó, Việt Nam cũng đã và đang tiến hành 3 chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước, đó là giai đoạn 2001 - 2010, 2011 - 2020 và 2021 - 2030 (cũng là giai đoạn đang thực hiện hiện nay). Bên cạnh các chương trình cải cách hành chính tổng thể, chúng ta có hàng loạt nghị quyết của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Như vậy, Đảng ta với tư cách là Đảng lãnh đạo đã rất quan tâm đến cải cách bộ máy hành chính, sắp xếp bộ máy, cải cách thể chế. Công tác cải cách này được Đảng làm rất kiên trì, liên tục.

Nhưng, cũng như rất nhiều kết luận đã được đưa ra sau những hội nghị tổng kết thực hiện, bên cạnh những chuyển biến, những kết quả bước đầu đã đạt được, thì nhìn vào thực tế hiện nay kết quả ấy vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của Đảng, của Nhân dân và của cộng đồng doanh nghiệp.

Thủ tục hành chính vẫn rườm rà, chồng chéo, tính hiệu lực hiệu quả chưa cao. Một trong những nguyên nhân khiến kết quả đạt được chưa như mong đợi là do các biện pháp thực hiện

trước đây chưa phù hợp. Tư duy cải cách làm chưa đúng, chưa sát với tình hình thực tiễn, bộ máy vẫn công kênh, chồng chéo, trùng lặp, thiếu tính tư duy hệ thống.

Thực tế, nhiều khi chúng ta thực hiện cải cách vẫn theo cách vụn vặt, nghĩa là thấy chỗ nào phức tạp, công kênh quá mới tinh giản biên chế chỗ ấy. Thêm vào đó, quá trình cải cách trước đây chủ yếu nhấn mạnh về vấn đề tinh giản biên chế, tức tinh giản nhân lực trong bộ máy chứ chưa nhấn mạnh đến việc củng cố, phát huy năng lực của các cơ quan, tổ chức, dẫn đến lúng túng, thậm chí có nơi nhân lực lại còn tăng lên.

Bộ máy hành chính của chúng ta hiện nay được chia ra 3 hệ thống chiều dọc nhưng có tính chất liên đới, thậm chí trùng nhau, đó là hệ thống của Đảng, hệ thống của Nhà nước và hệ thống của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3 hệ thống này đều được tổ chức phân cấp theo địa bàn lãnh thổ và phân cấp từ Trung ương đến các địa phương. Điều này cũng có nghĩa là trong cấu trúc ấy có sự “chồng lấn” nhau, khi có những cơ quan có cùng chức năng, điều này khiến cho khi thực hiện nhiệm vụ sẽ bị chồng lấn, triệt tiêu hiệu quả lẫn nhau.

Đồn nguồn lực cho đầu tư phát triển

Ngân sách Nhà nước đang chi thường xuyên quá nhiều cho bộ máy hành chính mà lại kém hiệu quả. Đúng như Tổng Bí thư Tô Lâm nói đây là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, và như Tổng Bí thư đã nói trước Quốc hội rằng 70% ngân sách Nhà nước hiện nay đang dành cho chi thường xuyên để nuôi bộ máy, như thế thì còn đâu ngân sách để chi cho đầu tư công, cho phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng nữa.

Do vậy, việc cải cách bộ máy hành chính hiện nay là nhiệm vụ rất cấp bách, cần thiết. Cải cách ở đây là toàn diện, xuyên suốt và triệt để, ở cả bộ máy hành chính hệ thống Đảng, hệ thống Nhà nước và cả hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Cải cách cần phải được thực hiện cả về phần “mềm” và phần “cứng”. Phần “mềm” ở đây là tư duy cải cách, là quyết tâm chính trị và khoa học lãnh đạo. Phần “cứng” ở đây là tinh gọn lại bộ máy, để vừa tránh công kênh, chồng chéo nhau, vừa để hoạt động hiệu quả hơn.

Thêm vào đó, cải cách cũng phải được tiến hành với cách làm khoa học, đó là “cải cách từ trên xuống dưới”, chứ không thể thực hiện theo cách làm “từ dưới lên trên” như trước đây đã từng làm nhưng không hiệu quả. Bởi, thực tế những năm trước đó, bên dưới có những cơ quan đã cải cách, tinh gọn, nhưng bên trên vẫn 2 cơ quan chỉ đạo, điều hành, dẫn đến trùng lặp, thiếu thống nhất về chỉ đạo cũng như thực thi.

Xã hội vận hành theo hiến pháp và pháp luật. Vì vậy, phải phân định mạch lạc: Nhà nước làm gì và người dân làm gì. Nhà nước làm chức năng quản lý, quản trị tốt, giám sát xã hội và thu thuế. Còn người dân được làm những gì pháp luật không cấm theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền. Nhà nước chỉ làm những gì người dân không muốn làm và không làm được.

Vì, đặc thù của Việt Nam là Đảng lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối mọi hoạt động của xã hội, nên phải minh định rõ: Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng chủ trương, đường lối, giám sát cán bộ, đảng viên của Đảng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, và bằng Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước. Quốc hội không làm việc của Chính phủ. Chính phủ không làm các công việc thuộc về đoàn thể. Tổng Bí thư Tô Lâm nói cán bộ trong hệ thống chính trị cần phải “đúng vai, thuộc bài” là như thế.

Cuối cùng, cải cách bộ máy hành chính hiện nay cần gắn với xu thế thời đại, đó là gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nền kinh tế số, số hóa bộ máy để nâng cao hiệu suất, tiết giảm nhân lực và chi phí.

Vì vậy, lần này Đảng ta tiếp tục đặt ra vấn đề cải cách thể chế, cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy chính quyền, nhưng sẽ thực chất hơn, quyết liệt hơn, từ đó tạo ra xung lực mới cho phát triển.

Cải cách hành chính, đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị hướng đến mục tiêu “Nhà nước nhỏ, xã hội lớn” là xu thế chung ở các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, thì thể chế phải cấu trúc lại các mối quan hệ trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị cho phù hợp với sự vận động của nó.

GS. TSKH. Phan Xuân Sơn, Nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Nguyên Viện trưởng Viện Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Nguồn: dttc.sggp.org.vn

BỘ CÔNG AN: QUY ĐỊNH QUY TRÌNH ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CỦA CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Ngày 13/11/2024, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Thông tư số 72/2024/TT-BCA quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.

Thông tư này quy định việc tổ chức tiếp nhận, xử lý tin báo và giải quyết ban đầu về tai nạn giao thông đường bộ; nội dung, biện pháp điều tra, xác minh, giải quyết về tai nạn giao thông đường bộ và thống kê tai nạn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.

Đối với vụ tai nạn giao thông đường bộ có dấu hiệu tội phạm, việc điều tra, giải quyết thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về tố tụng hình sự. Đối với vụ tai nạn giao thông đường bộ chưa xác định có dấu hiệu tội phạm, nội dung, biện pháp điều tra, xác minh, giải quyết thực hiện theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Thông tư quy định: Việc tạm giữ phương tiện, đồ vật, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

Đối với trường hợp các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông đã được tích hợp trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia khi tạm giữ giấy tờ, Cảnh sát giao thông thực hiện việc tạm giữ giấy tờ trên môi trường điện tử.

Thông tư nêu rõ, trước khi kéo dài thời hạn tạm giữ phương tiện, đồ vật, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện, cán bộ được phân công điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ phải báo cáo đề xuất kéo dài thời hạn tạm giữ theo Mẫu số 10/TNDB ban hành kèm theo Thông tư này.

Việc xử lý phương tiện, đồ vật, tài liệu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người điều khiển phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

Sau khi kết thúc khám nghiệm phương tiện giao thông, xác định người điều khiển phương tiện không có lỗi và không vi phạm các quy định khác của pháp luật thì phương tiện giao thông phải được trả ngay cho chủ sở hữu hoặc người điều khiển phương tiện. Nghiêm cấm việc giữ phương tiện giao thông của các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông để làm căn cứ giải quyết bồi thường thiệt hại.

Thông tư cũng quy định về thời gian điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ, cụ thể:

Đối với vụ tai nạn giao thông đường bộ không có dấu hiệu tội phạm thì thời hạn điều tra, xác minh, giải quyết như sau: Nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường bộ thì Cảnh

sát giao thông phải tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường bộ có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh thêm hoặc phải thông qua giám định chuyên môn thì có thể được kéo dài nhưng không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường bộ. Trường hợp cần phải có thêm thời gian để xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thì tiếp tục được kéo dài, thời hạn kéo dài không quá 02 tháng kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông đường bộ. Việc kéo dài phải được báo cáo bằng văn bản với người có thẩm quyền theo biểu Mẫu 10/TNDB ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với vụ tai nạn giao thông đường bộ quy định tại điểm b Khoản 8 Điều 6 Thông tư này hoặc trong quá trình điều tra, xác minh giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ quy định tại điểm c Khoản 8 Điều 6 Thông tư này nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm, thì Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh thực hiện xác minh giải quyết theo thời hạn quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021) và Điều 9, Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2021) và Điều 12 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2021).

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định cụ thể về: Tiêu chuẩn của cán bộ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ và phân công cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ; Tổ chức tiếp nhận tin báo về tai nạn giao thông đường bộ; Xử lý tin báo về tai nạn giao thông đường bộ; Giải quyết ban đầu khi cán bộ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát phát hiện vụ tai nạn giao thông đường bộ hoặc được phân công đến hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; Nội dung điều tra, xác minh tình tiết của vụ tai nạn giao thông đường bộ; Khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; Khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ; Ghi lời khai của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ, người bị nạn, người chứng kiến và những người có liên quan khác trong vụ tai nạn giao thông đường bộ; Ghi nhận dấu vết trên thân thể của người bị nạn trong vụ tai nạn giao thông đường bộ; Kiểm tra, xác minh điều kiện của phương tiện, người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ; kiểm tra hành khách, hàng hóa vận chuyển và các giấy tờ có liên quan; Giám định chuyên môn, định giá thiệt hại tài sản; Dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ; Xem xét kết quả điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông đường bộ; Giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ theo thủ tục hành chính; Thống kê tai nạn giao thông đường bộ; Kiểm tra công tác điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ; Các biểu mẫu sử dụng trong công tác điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông

đường bộ của Cảnh sát giao thông; Trường hợp giải quyết vụ tai nạn giao thông đường bộ phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo chức năng của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Trường hợp tai nạn giao thông đường bộ liên quan đến người và phương tiện giao thông đường bộ của nước ngoài; Trường hợp tai nạn giao thông đường bộ liên quan đến người, phương tiện, tài sản của Quân đội nhân dân; Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường bộ dẫn đến cháy, nổ phương tiện; Trường hợp tai nạn giao thông đường bộ liên quan trực tiếp đến phương tiện giao thông chở hoá chất độc hại; Trường hợp vụ tai nạn giao thông đường bộ dẫn đến hành vi gây rối trật tự công cộng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: HƯỚNG DẪN VIỆC CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Ngày 17/11/2024, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Thông tư quy định rõ về cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Theo đó, thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu có các chứng chỉ theo quy định của pháp luật thì kê khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Hệ thống).

Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

Nhà thầu phải đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Đối với nội dung thông tin về số liệu về báo cáo tài chính, trường hợp số liệu về báo cáo tài chính trên Hệ thống đã được trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu không phải kê khai số liệu về báo cáo tài chính. Đối với số liệu báo cáo tài chính từ năm 2021 trở đi, trường hợp nhà thầu phát hiện Hệ thống chưa cập nhật số liệu so với Hệ thống thuế điện tử, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng

ký doanh nghiệp thì nhà thầu sửa đổi cho phù hợp với số liệu đã báo cáo với cơ quan thuế, Hệ thống sẽ lưu lại các phiên bản sửa đổi thông tin của nhà thầu.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin về thỏa thuận khung theo quy định tại Khoản 2 Điều 90 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP trên Hệ thống.

Đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu

Đối với đấu thầu qua mạng: Chủ đầu tư phê duyệt và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống. Tài liệu đính kèm bao gồm: báo cáo đánh giá E-HSDT (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không cần kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Đối với đấu thầu không qua mạng: Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

Tài liệu đính kèm bao gồm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (đăng tải báo cáo đánh giá tổng hợp, không kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia).

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau: Danh mục hàng hóa; Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản; Đơn giá trúng thầu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ một số quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 33 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2024.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

Ngày 20/11/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 15/2024/TT-BGDĐT quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư này quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ (đề tài cấp bộ) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: các quy định chung, công tác xác định, tuyển chọn, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh lý và công tác lưu giữ, chuyển giao, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài cấp bộ.

Thông tư áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, trường cán bộ quản lý giáo dục, viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức cá nhân được tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện đề tài cấp bộ.

Theo Thông tư, đề tài cấp bộ được thực hiện để giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học; góp phần phát

triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Kết quả của đề tài cấp bộ phải đáp ứng tối thiểu hai yêu cầu: Một là, có kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học trong nước hoặc được xuất bản thành sách, chương sách chuyên khảo, sách tham khảo. Hai là, có kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc có kết quả là luận cứ khoa học, giải pháp để giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ hoặc có kết quả nghiên cứu là tài sản trí tuệ, sản phẩm ứng dụng khác.

Đề tài cấp bộ được thực hiện theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Mỗi đề tài cấp bộ có tối đa 10 thành viên tham gia thực hiện, bao gồm 1 chủ nhiệm, 1 thư ký khoa học và các thành viên theo chức danh: thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Thời gian thực hiện đề tài cấp bộ không quá 24 tháng (chưa tính thời gian gia hạn thực hiện đề tài nếu có). Trường hợp đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thời gian thực hiện đề tài trên 24 tháng.

Mã số đề tài cấp bộ được quy định như sau: Bx-y-z. Trong đó: B là ký tự cố định; x là năm bắt đầu thực hiện đề tài; y là mã tuyển sinh của đơn vị được giao quản lý, thực hiện đề tài; z là số thứ tự đề tài cấp bộ trong năm được phê duyệt thực hiện của đơn vị được giao quản lý, thực hiện đề tài. Trường hợp đơn vị được giao quản lý, thực hiện đề tài không có mã tuyển sinh có thể thay thế bằng các ký tự viết tắt tên của đơn vị đó.

Nguồn kinh phí thực hiện đề tài cấp bộ gồm: Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kinh phí hợp pháp khác.

Căn cứ vào số lượng đề xuất đề tài cấp bộ được giao, đơn vị trực thuộc bộ có trách nhiệm: Thông báo trên trang thông tin điện tử của đơn vị để các tổ chức, cá nhân đề xuất đề tài cấp bộ theo Mẫu 2 kèm theo Thông tư này; Lựa chọn đề xuất đề tài theo các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Điều này, đảm bảo không vượt quá số lượng được giao; Gửi đề xuất đề tài về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đề tài cấp bộ được xác định theo các tiêu chí sau: Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước: phân tích được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, có vai trò trong việc nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của đơn vị; Tính mới và mức độ không trùng lặp với các công trình nghiên cứu đã và đang thực hiện, các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã bảo vệ thành công; Tên, định hướng mục tiêu và nội dung nghiên cứu đảm bảo tính tương thích, khoa học, rõ ràng, khả thi; Các sản phẩm dự kiến đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này; Hiệu quả và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài; Kinh phí đề xuất đề tài phù hợp với mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến.

Hội đồng tư vấn xác định đề tài cấp bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng tư vấn xác định đề tài cấp bộ (sau đây gọi là Hội đồng xác định); Thành phần Hội đồng xác định có 7, 9 hoặc 11 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký khoa học và các thành viên khác. Mỗi đề xuất đề tài có 2 thành viên được phân công phản biện. Thành viên Hội

đồng xác định là các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực của đề xuất đề tài; Trách nhiệm của Hội đồng và các thành viên Hội đồng xác định theo quy định tại Điều 33 và Điều 35 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/0/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; Kinh phí tổ chức họp Hội đồng xác định do Bộ Giáo dục và Đào tạo chi trả theo quy định hiện hành.

Phương thức làm việc của Hội đồng xác định: Hội đồng xác định họp theo một trong các hình thức sau: Họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến; Phiên họp của Hội đồng xác định phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, do Chủ tịch chủ trì hoặc Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp khi Chủ tịch vắng mặt; Tài liệu cuộc họp gửi cho các thành viên Hội đồng ít nhất 03 ngày trước khi họp.

Quy trình làm việc của Hội đồng xác định: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng xác định chủ trì cuộc họp; Các thành viên Hội đồng xác định căn cứ vào tiêu chí xác định đề tài tại Khoản 2 điều này để nhận xét, đánh giá đề xuất đề tài cấp bộ theo phiếu nhận xét đề xuất đề tài cấp bộ tại Mẫu 3 kèm theo Thông tư này, phiếu đánh giá đề xuất đề tài cấp bộ tại Mẫu 4 kèm theo Thông tư này. Các ủy viên phản biện có trách nhiệm nhận xét, đánh giá và kiến nghị về đề xuất đề tài để thảo luận trong cuộc họp, gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản điện tử đến địa chỉ được Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp trước khi họp; Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá theo Mẫu 5 kèm theo Thông tư này và công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng; Đề xuất đề tài được thành viên Hội đồng xếp loại “đạt” nếu tất cả các tiêu chí tại Phiếu đánh giá ở mức “đạt yêu cầu”; Đề xuất đề tài được Hội đồng đề nghị “Thực hiện” khi có ít nhất 2/3 số phiếu của các thành viên Hội đồng có mặt xếp loại “đạt”. Hội đồng có nhiệm vụ thống nhất tên, mục tiêu, yêu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm, dự kiến tổng kinh phí thực hiện đề tài; Đối với đề xuất đề tài được Hội đồng đề nghị “không thực hiện”, Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá, nêu rõ lý do không thực hiện; Thư ký khoa học có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung Biên bản họp Hội đồng xác định theo Mẫu 6 kèm theo Thông tư này, thông qua ý kiến các thành viên Hội đồng.

Căn cứ kết quả của Hội đồng xác định, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài cấp bộ để giao đơn vị trực thuộc bộ tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện. Quyết định phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài cấp bộ được đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2025 và thay thế Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016. Các đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ đã được phê duyệt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT thì tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc. Các đề tài được phê duyệt để thực hiện từ năm 2026 thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Chuẩn y ông Hoàng Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Chuẩn y bà Trần Thị Kim Hoa, Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Nghị quyết số 1309/NQ-UBTVQH15 phê chuẩn ông Vũ Đại Thắng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh chuyển sinh hoạt từ Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Bình đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh.

Nghị quyết số 1299/NQ-UBTVQH15 phê chuẩn kết quả bầu bà Lý Thị Lan, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng đoàn Đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Hà Giang giữ chức Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Hà Giang.

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 1231/QĐ-TTg về việc ông Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ nghỉ hưu theo chế độ, kể từ ngày 01/12/2024.

Quyết định số 1229/QĐ-TTg về việc Trung tướng Trần Duy Hưng, Chính ủy Tổng cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng, nghỉ hưu theo chế độ, kể từ ngày 01/12/2024.

Quyết định số 1418/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm lại ông Đỗ Xuân Tuyên giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Y tế.

Quyết định số 1482/QĐ-TTg ngày 29/11/2024 kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ, giữ nguyên chức vụ đối với Thượng tướng Nguyễn Văn Nghĩa, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam kể từ ngày 1/12/2024 đến hết 30/11/2025.

Thay đổi ủy viên Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia:

Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 kiện toàn nhân sự Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

Theo đó, ông Nguyễn Sỹ Hiệp, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, kiêm Ủy viên Thường trực Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia thay ông Cao Huy, kể từ ngày 30/11/2024.

Phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể:

Quyết định số 1485/QĐ-TTg ngày 29/11/2024 phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể.

Theo đó, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình là Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng.

Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo bao gồm: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam Cao Xuân Thu Vân.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đỗ Thành Trung; Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Thanh Nam; Thứ trưởng Bộ Tài chính Cao Anh Tuấn; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Xuân Sang; Thứ trưởng Bộ Công Thương Phan Thị Thắng; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Việt Hùng; Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Minh Ngân; Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy; Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Bá Hoan; Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hồ An Phong; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Bùi Hoàng Phương; Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Ngọc Thương; Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Y Vinh Tor; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Thị Thu Vân; Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Đào Minh Tú; Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Duy Hưng; Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Phạm Thị Hồng Yến; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tô Thị Bích Châu; Phó Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam Đinh Khắc Đính; Phó Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Trần Lan Phương; Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam Nguyễn Mạnh Cường; Phó Tổng Giám đốc, Bảo hiểm xã hội Việt Nam Trần Đình Liệu; Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể Đỗ Mạnh Khởi.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 29/11/2024, thay thế Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 29/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể.

*** TP. Hồ Chí Minh:**

Ông Nguyễn Thanh Nhã, Giám đốc Sở Quy hoạch và Kiến trúc được tiếp nhận, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Bình Chánh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Lạng Sơn:**

Ông Hoàng Văn Nghiệm, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Đức Thuận, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy, kiêm Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy được bầu bổ sung làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Đặng Hồng Cường, Trưởng phòng Phòng Giáo dục trung học, Sở Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, kể từ ngày 05/12/2024.

*** Tỉnh Hà Giang:**

Ông Nguyễn Trung Ngọc, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Quang Bình được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư.

Ông Đào Quang Diệu, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quang Bình, thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quang Bình, giao giữ chức vụ quyền Bí thư Huyện ủy Quang Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Anh Đức, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Quang Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đề giới thiệu bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Thái Bình:**

Ông Nguyễn Khắc Thận, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Thanh Hóa:**

Ông Lại Thế Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Quảng Nam:**

Ông Phan Văn Bình, Phó Trưởng ban phụ trách Ban Tổ chức Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

*** Tỉnh Đắk Lắk:**

Ông Võ Văn Cảnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trương Công Thái, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Hà Đức Thành, Thư ký Bí thư Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 02/12/2024.

*** Tỉnh Hậu Giang:**

Ông Đồng Văn Thanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: baohinhphu.vn